



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 39 + 40

Ngày 30 tháng 07 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 526/NQ-HĐND về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh (đợt 1) (Đăng tiếp trên Công báo số 41 + 42)	2
------------	---	---

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 526/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
nguồn ngân sách địa phương cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021 - 2025 của ngân sách cấp tỉnh (đợt 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước;

Xét Tờ trình số 420/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo số 404/BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1144/BC-KTNS ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung 1.318.032,18 triệu đồng từ số vốn ngân sách cấp huyện (cũ) đã giao tăng thêm so với số kế hoạch được HĐND tỉnh giao vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương, gồm:

1. Nguồn thu tiền sử dụng đất: 905.673,62 triệu đồng.
2. Nguồn kinh phí nâng cấp đô thị: 269.750 triệu đồng.
3. Nguồn tăng thu: 9.880 triệu đồng.
4. Nguồn chi đầu tư giáo dục đào tạo: 27.475 triệu đồng.
5. Nguồn chi đầu tư lĩnh vực văn hóa: 5.000 triệu đồng.
6. Nguồn tiết kiệm chi ngân sách: 56.64,52 triệu đồng.
7. Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu: 8.785,63 triệu đồng.

8. Nguồn huy động nhân dân đóng góp: 1.691,41 triệu đồng.

9. Nguồn dự phòng ngân sách: 33.134 triệu đồng.

(chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý

1. Tổng vốn điều chỉnh: 4.397.482,54 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Bắc Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 138.904 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Mai Sơn (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 273.395,89 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương thị xã Mộc Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 1.004.140 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Phù Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 313.993,45 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Quỳnh Nhai (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 142.206,29 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Sông Mã (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 542.731,02 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Thuận Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 165.303,83 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Yên Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 135.460 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương Thành phố Sơn La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 1.365.398,94 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Mường La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 169.300 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương huyện Sốp Cộp (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 146.649,12 triệu đồng.

(chi tiết tại Biểu số 02 và các biểu chi tiết kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪ SỐ VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN ĐÃ GIAO TẶNG
THÊM SO VỚI SỐ KẾ HOẠCH ĐƯỢC HĐND TỈNH GIAO***(Kèm theo Nghị quyết số 526/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)**ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	1.318.032	
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất	905.674	
2	Nguồn kinh phí nâng cấp đô thị	269.750	
3	Nguồn tăng thu ngân sách	9.880	
4	Nguồn chi đầu tư giáo dục đào tạo	27.475	
5	Nguồn chi đầu tư lĩnh vực văn hóa	5.000	
6	Nguồn tiết kiệm chi ngân sách	56.643	
7	Nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	8.786	
8	Nguồn huy động nhân dân đóng góp	1.691	
9	Dự phòng ngân sách huyện	33.134	

(Kèm theo Nghị quyết số 526/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

[illegible]

Biểu số 02.1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN BẮC YÊN QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 526/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
	TỔNG SỐ				205.979	168.809	138.904	99.399	138.904	
A	NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				9.770	5.890	5.890	4.418	5.890	
I	Giao thông				7.870	4.310	4.310	4.310	4.310	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				7.870	4.310	4.310	4.310	4.310	
1	Nâng cấp đường nội bản xã Mường Khoa	Bản Pa Nó, Xã Mường Khoa	2022-2023	1300 04/11/2022	2.625	680	680	680	680	
2	Đường bê tông vào nhóm hộ Mông bản Cao Đa 2	Bản Cao Đa 2, xã Phiêng Ban	2022-2023	1302 04/11/2022	1.690	496	496	496	496	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
3	Sửa chữa cầu treo qua Suối Cao bản Cao Đa 2	Bản Cao Đa 2, xã Phiêng Ban	2023-2025	1539 08/12/2022	1.167	869	869	869	869	
4	Đường bê tông từ khu 1 đến khu 3 bản Pa Nó (giai đoạn 3)	Bản Pa Nó, xã Mường Khoa	2023-2025	1540 08/12/2022	2.388	2.265	2.265	2.265	2.265	
II	Nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				1.900	1.580	1.580	108	1.580	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				1.900	1.580	1.580	108	1.580	
1	Xây dựng mới thủy lợi Nà Tở bản Cao Đa 1	Bản Cao Đa 1, xã Phiêng Ban	2024-2025	1493 29/10/2024	1.900	1.580	1.580	108	1.580	
B	NGUỒN BỔ SUNG CÁN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP				107.688	78.387	72.580	51.250	72.580	
I	Văn hóa, thông tin				8.662	8.617	3.802	2.802	3.802	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				4.176	4.176	405	405	405	
1	Biển địa danh và tiểu cảnh thuộc dự án phát triển hạ tầng phục vụ du lịch Tà Xùa	Xã Tà Xùa	2020-2021	1547 01/10/2019	2.711	2.711	330	330	330	
2	Đồi vọng cảnh thuộc dự án phát triển hạ tầng phục vụ du lịch Tà Xùa (Giai đoạn 1)	Xã Tà Xùa	2020-2021	1500 25/9/2019	979	979	50	50	50	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
3	Trung tâm giao lưu lễ hội cộng đồng thuộc dự án phát triển hạ tầng phục vụ du lịch Tà Xùa (Giai đoạn 1)	Xã Tà Xùa	2020-2021	1513 27/9/2019	485	485	25	25	25	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				4.486	4.441	3.397	2.397	3.397	
1	Nhà văn hóa tiểu khu Phiêng Ban 2	Tiểu khu Phiêng Ban 2	2022-2023	549 20/5/2021	2.000	2.000	956	956	956	
2	Nhà văn hóa bản Khoa	Bản Khoa, xã Mường Khoa	2023-2025	1240 31/10/2022	841	822	822	822	822	
3	Nhà văn hóa bản Nà Dòn	Xã Chiềng Sại	2023-2025	1241 31/10/2022	644	619	619	619	619	
4	Nhà văn hoá bản Suối Trắng	Bản Suối Trắng, xã Phiêng Côn	2.025	1499 30/10/2024	1.000	1.000	1.000		1.000	
II	Môi trường				14.945	342	342	342	342	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				14.945	342	342	342	342	
1	Khu xử lý chất thải rắn huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2020-2021	1723 02/11/2021	14.945	342	342	342	342	
III	Y tế, dân số và gia đình				4.464	464	464	464	464	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				4.464	464	464	464	464	
1	Đầu tư xây dựng trạm y tế thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2021-2023	633 28/5/2021	4.464	464	464	464	464	
IV	Quốc phòng				7.198	7.198	969	969	969	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				7.198	7.198	969	969	969	
1	Xây dựng công chính, nhà trực và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2022-2023	1707 29/10/2021	816	816	500	500	500	
2	Thao trường huấn luyện Bắc Yên	Phiêng Ban	2021-2022	1075 13/8/2021	6.381	6.381	469	469	469	
V	Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp				15.668	15.668	14.940	11.640	14.940	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				15.668	15.668	14.940	11.640	14.940	
1	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 6 phòng điểm THCS Trường TH-THCS Tà Xùa	Xã Tà Xùa	2021-2022	642 28/5/2021	1.798	1.798	1.765	1.765	1.765	
2	Kè ta luy dương trường Tiểu học và THCS thị trấn Bắc Yên	Thị trấn	2021-2022	644 28/5/2021	219	219	214	214	214	
3	Khắc phục sạt lở mái taluy dương Trường tiểu học xã Chim Vàn	Xã Chim Vàn	2021-2022	645 28/5/2021	680	680	641	641	641	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
4	Kè Tà Luy âm điểm trường Mầm Non và Tiểu học bản Háng Bla	Xã Háng Đồng	2021-2022	646 28/5/2021	940	940	938	938	938	938	
5	Khắc phục sạt lở taluy dương điểm trường Háng Đồng B (cũ) thuộc trường mầm non Hoa Đào xã Háng Đồng	Xã Háng Đồng	2021-2022	647 28/5/2021	437	437	436	436	436	436	
6	Khắc phục sạt lở taluy dương trường Mầm Non Háng Đồng điểm trường trung tâm xã	Xã Háng Đồng	2021-2022	648 28/5/2021	604	604	602	602	602	602	
7	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất Trung tâm chính trị huyện Bắc Yên	Thị trấn	2022-2023	1709 29/10/2021	1.100	1.100	1.084	1.084	1.084	1.084	
8	Nhà ở học sinh bán trú điểm tiểu học Trường tiểu học & THCS Háng Đồng huyện Bắc Yên	Xã Háng Đồng	2021-2022	1484 24/9/2021	990	990	486	486	486	486	
9	Trường TH-THCS Thị trấn Bắc Yên (hạng mục nhà lớp học 2 tầng 8 phòng)	Thị trấn	2023-2025	1529 08/12/2022	5.600	5.600	5.476	5.476	5.476	5.476	
10	Nhà lớp học Trường PTDTBT Tiểu học Hua Nhàn	Bản Trông Dê	2025	1494 30/10/2024	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	
VI	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước				10.619	10.619	10.317	10.317	10.317	10.317	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				10.619	10.619	10.317	10.317	10.317	10.317	
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Chim Ván	Xã Chim Ván	2023-2025	1233 31/10/2022	1.900	1.900	1.861	1.861	1.861	1.861	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
2	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND xã Lăng Châu	Xã Lăng Châu	2021-2022	641 28/5/2021	1.797	1.797	1.797	1.783	1.783	1.783	
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Tạ Khoa	Xã Tạ Khoa	2023-2025	1947 10/12/2021	2.145	2.145	2.145	2.064	2.064	2.064	
4	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Pắc Ngà	Xã Pắc Ngà	2023-2025	1323 15/11/2023	2.065	2.065	2.065	1.999	1.999	1.999	
5	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND - UBND xã Hua Nhàn	Xã Hua Nhàn	2023-2025	1321 15/11/2023	1.992	1.992	1.992	1.915	1.915	1.915	
6	Nâng cấp, cải tạo trụ sở nhà làm việc ban QLDA giảm nghèo giai đoạn II	Thị trấn Bắc Yên	2023-2025	1236 31/10/2022	720	720	720	696	696	696	
VII	Nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				15.440	15.440	10.640	10.295	10.295	10.295	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				15.440	15.440	10.640	10.295	10.295	10.295	
1	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Đung, xã Hồng Ngài	Xã Hồng Ngài	2021-2022	1072 31/5/2021	6.315	6.315	1.515	1.515	1.515	1.515	
6	Nâng cấp công trình thủy lợi bản Hang Chú	Xã Hang Chú	2022-2023	1706 29/10/2021	2.093	2.093	2.093	1.916	1.916	1.916	
7	Thủy lợi từ Suối Háng Cơ về khu Chông Pá Tênh bản Pá Hóc	Bản Pá Hóc, xã Hang Chú	2022-2023	1703 29/10/2021	3.443	3.443	3.443	3.403	3.403	3.403	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
8	Thủy lợi Can Trông Xua bản Xím Vàng	Bản Xím Vàng, xã Xím Vàng	2022-2023	1704 29/10/2021	3.589	3.589	3.462	3.462	3.462	3.462	
VIII	Giao thông				11.919	11.919	10.859	9.560	10.859	10.859	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				11.919	11.919	10.859	9.560	10.859	10.859	
1	Tuyến đường nối từ QL 37 (khu nhà bà Sa Thị Dón) xuống khu vực nhà Ông Sa Đắc Sinh nối đường vành đai từ ngã 3 huyện.	Thị trấn	2021-2022	639 28/5/2021	2.798	2.798	2.767	2.767	2.767	2.767	
2	Cầu treo Nà Lửa bản Chim Thượng	Bản Chim Thượng	2021-2022	1565 11/10/2021	2.738	2.738	1.857	1.857	1.857	1.857	
3	Tuyến từ Mùa A Giao xuống đến đường bê tông đi vào trường học khu Tà Xùa C	Bản Tà Xùa	2021-2022	1993 21/12/2021	2.083	2.083	2.056	2.056	2.056	2.056	
4	Cầu qua suối Nhận vào trụ sở xã Tà Khoa	Bản Nhận Nọc, xã Tà Khoa	2023-2025	1232 31/10/2022	3.000	3.000	2.880	2.880	2.880	2.880	
5	Đường trục chính bản Kỳ Sơn (giai đoạn 5)	Bản Kỳ Sơn, xã Phiêng Cồn	2025	1484 29/10/2024	1.300	1.300	1.300		1.300	1.300	
IX	Công nghiệp, điện				17.654	11.801	11.391	4.271	11.391	11.391	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				17.654	11.801	11.391	4.271	11.391	
1	Điện sinh hoạt khu Suối Cánh bản Hồng Ngài	Bản Hồng Ngài, xã Hồng Ngài	2023-2025	1239 31/10/2022	1.996	1.996	1.782	1.782	1.782	
2	Di chuyển trạm biến áp UBND xã Hồng Ngài	Bản Hồng Ngài, xã Hồng Ngài	2021-2022	649 28/5/2021	270	270	270	270	270	
3	Trạm biến áp xã Tà Xùa	Xã Tà Xùa	2022-2023	1705 29/10/2021	1.997	1.997	1.802	1.802	1.802	
4	Đầu tư cấp điện nông thôn trên địa bàn huyện Bắc Yên	Các xã Phiêng Ban, Tạ Khoa, Song Pe, Phiêng Côn, Chiềng Sại, Háng Đồng, Xím Vàng, Chím Vàn	2022-2025	1487 29/10/2024	13.391	7.537	7.537	417	7.537	
X	Lĩnh vực khác				1.120	1.120	589	589	589	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				1.120	1.120	589	589	589	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
1	Nâng cấp chợ trung tâm xã Tà Xùa	Xã Tà Xùa	2022-2023	548 20/5/2021	1.120	1.120	445	445	445	
2	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở thuộc Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (đối ứng Chương trình MTQG 1719)						144	144	144	
XI	Phân bổ chi tiết sau						8.610		8.610	
C	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC PHÂN CẤP				55.680	51.692	34.051	27.518	34.051	
I	Văn hóa, thông tin				11.600	11.600	3.851	1.688	3.851	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				1.320	1.320	1.300	1.300	1.300	
1	Nhà văn hóa Tiểu khu I	Thị trấn Bắc Yên	2020-2021	2384 14/12/2020	1.320	1.320	1.300	1.300	1.300	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				10.280	10.280	2.551	388	2.551	
1	Nhà văn hóa tiểu khu Phiêng Ban 2	Tiểu khu Phiêng Ban 2	2022-2023	549 20/5/2021	2.000	2.000	621	388	621	
2	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường văn hóa huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2024-2025	702 07/6/2024	8.280	8.280	1.930		1.930	
II	An ninh trật tự, an toàn xã hội				1.850	1.850	84	84	84	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: Ngân sách huyện		
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				1.850	1.850	84	84	84	
1	Xây dựng bổ sung cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ an ninh và trật tự, an toàn xã hội	Thị trấn	2020-2021	2377 11/12/2020	1.850	1.850	84	84	84	
III	Quốc phòng				7.198	7.198	4.812	4.812	4.812	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				7.198	7.198	4.812	4.812	4.812	
1	Xây dựng công chính, nhà trực và các hạng mục phụ trợ Ban CHQS huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2022-2023	1707 29/10/2021	816	816	312	312	312	
2	Thao trường huấn luyện Bắc Yên	Phiêng Ban	2021-2022	1075 13/8/2021	6.381	6.381	4.499	4.499	4.499	
IV	Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp				3.923	3.713	3.657	3.657	3.657	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				3.923	3.713	3.657	3.657	3.657	
1	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng điểm TH Trường TH-THCS Tà Xùa	Xã Tà Xùa	2021-2022	638 28/5/2021	3.423	3.423	3.367	3.367	3.367	
2	Nhà công vụ cho giáo viên điểm trường trung tâm - Trường Mầm non Hoa Đào xã Háng Đồng	Xã Háng Đồng	2022	515 19/5/2021	500	290	290	290	290	
V	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước				13.550	13.550	7.823	7.441	7.823	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				13.550	13.550	7.823	7.441	7.823	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
1	Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm	Thị trấn	2021-2022	637 28/5/2021	7.600	7.600	7.441	7.441	7.441	
2	Phòng họp HĐND-UBND huyện	Thị trấn	2023-2024	851 15/8/2023	5.950	5.950	382		382	
VI	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ				17.560	13.781	13.098	9.836	13.098	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				5.269	5.269	5.039	5.039	5.039	
1	San nền + Nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Trạm khí tượng thủy văn huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2019-2021	1799 16/10/2019	4.198	4.198	3.989	3.989	3.989	
2	Hệ thống chiếu sáng công cộng khu vực Thị trấn Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2020-2021	2382 14/12/2020	1.071	1.071	1.050	1.050	1.050	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				12.290	8.512	8.059	4.797	8.059	
1	Làm đường giao thông vào điểm khu dân cư bản Luông và khu dân cư Nà Hèo, bản Pắc Ngà, xã Pắc Ngà	Xã Pắc Ngà	2022	44 08/4/2022	511	206	206	206	206	
2	Đổ bê tông đường liên bản Pắc Ngà – bản Áng (khu Tái định cư Nong lưom, bản Pắc Ngà đến khu Tà Bó, bản Áng)	Xã Pắc Ngà	2022	43 08/4/2022	789	332	332	332	332	
3	Đổ bê tông đường xuống bến sông bản Pắc Ngà	Xã Pắc Ngà	2022	42 08/4/2022	139	63	63	63	63	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
4	Đường bê tông từ nhà ông Dón qua suối Pa Coong bản Đung Giăng	Xã Hồng Ngài	2022	42 18/4/2022	315	141	141	141	141	
5	Làm đường vào khu sản xuất, khu quy hoạch nghĩa trang tại bản Tà Xùa, xã Tà Xùa	Xã Tà Xùa	2022	63 07/6/2022	175	74	74	74	74	
6	Đường nội đồng tuyến từ nhà ông Mùa A Nhè khu Móng Vàng xuống đến ngã ba khu sản xuất đường đi vào khu trại ông Mùa A Lẻnh, Mùa A Khư, khu Móng Vàng, bản Tà Xùa	Xã Tà Xùa	2022	60 07/6/2022	613	276	276	276	276	
7	Đường nội bản tuyến từ ngã ba trục đường khu Móng Vàng, bản Tà Xùa vào đến khu ông Mùa A Chu, Mùa A Lù, khu Móng Vàng, bản Tà Xùa	Xã Tà Xùa	2022	59 07/6/2022	490	220	220	220	220	
8	Đường nội bản tuyến từ đường Xuân Thiện nhà quán ông Thảo A Cha vào đến ngã ba đường xuống ông Thảo A Lữ, khu Trờ B, bản Bẹ	Xã Tà Xùa	2022	62 07/6/2022	161	71	71	71	71	
9	Đường ngõ xóm tuyến từ tỉnh lộ 112 vào khu ông Mùa A Cu (Lù Cha), bản Tà Xùa	Xã Tà Xùa	2022	61 07/6/2022	212	95	95	95	95	
10	Đường xuống bên sông xã Chiềng Sại	Xã Chiềng Sại	2022	53 27/5/2022	278	115	115	115	115	
11	Đường từ Co Muồng đi qua Suối Trắng đến bản Nậm Lìn, xã Chiềng Sại	Xã Chiềng Sại	2022	54 27/5/2022	701	319	319	319	319	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
12	Đường từ nhà ô Hung đến bến thuyền bản Ván	Xã Chim Ván	2022	35 18/4/2022	167	75	75	75	75	
13	Mở mới nối từ đường Nhận Nọc bản Sáp Việt vào khu kinh tế suối Sáp Việt	Xã Tạ Khoa	2022	125 26/4/2022	407	170	170	170	170	
14	Đường nhánh từ đường bê tông đến điểm trường Mầm non bản Tà Đò	Xã Tạ Khoa	2022	124 26/4/2022	27	12	12	12	12	
15	Đường nhánh từ đường bê tông đến điểm trường Tiểu học bản Nhận Nọc	Xã Tạ Khoa	2022	123 26/4/2022	120	54	54	54	54	
16	Đường QL 37 đến nhóm hộ ông Đình Văn Tin	Xã Phiêng Ban	2022	61 19/4/2022	235	69	69	69	69	
17	Đường QL 37 đến khu sản xuất suối Chấm Pọ	Xã Phiêng Ban	2022	60 19/4/2022	550	161	161	161	161	
18	Đường khu sản xuất Suối Muồng đoạn từ Na Thèn - Co Tầu - Pá Chai	Xã Mường Khoa	2022	33 14/4/2022	450	111	111	111	111	
19	Nâng cấp chợ trung tâm xã Tà Xùa	Xã Tà Xùa	2022-2023	548 20/5/2021	1.120	1.120	666	666	666	
20	Xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất bản Phúc xã Mường Khoa, huyện Bắc Yên	Xã Mường Khoa	2022-2023	1194 02/11/2023	4.830	4.830	4.830	1.568	4.830	
VII	Phân bổ chi tiết sau						726		726	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
D	NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI				32.841	32.841	26.382	16.213	26.382	
I	VĂN HOÁ, THÔNG TIN				10.280	10.280	6.772	2.922	6.772	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				10.280	10.280	6.772	2.922	6.772	
1	Nâng cấp, sửa chữa Hội trường văn hóa huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2024-2025	702 07/6/2024	8.280	8.280	6.350	2.500	6.350	
2	Nhà văn hóa tiểu khu Phiêng Ban 2	Tiểu khu Phiêng Ban 2	2022-2023	549 20/5/2021	2.000	2.000	422	422	422	
II	QUỐC PHÒNG				1.570	1.570	1.570	1.074	1.570	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				1.570	1.570	1.570	1.074	1.570	
1	Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Hàng Đồng	Bản Háng Đồng, xã Hàng Đồng	2024-2025	724 11/6/2024	1.570	1.570	1.570	1.074	1.570	
III	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP				2.315	2.315	2.315	276	2.315	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				2.315	2.315	2.315	276	2.315	
1	Nhà bán trú cho học sinh và các hạng mục khác thuộc Trường Tiểu học xã Chiềng Sại, huyện Bắc Yên	Bản Nà Dòn, xã Chiềng Sại	2025	255 04/3/2025	1.000	1.000	1.000		1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
2	Sửa chữa tường rào Trường Tiểu học xã Hang Chú	Bán Hang Chú, xã Hang Chú	2025	369 26/3/2025	909	909	909		909	
3	Xử lý sạt lở phía sau trường Mầm non Bình Minh, xã Hang Chú	Bán Hang Chú, xã Hang Chú	2025	371 26/3/2025	130	130	130		130	
4	San đảo nền, xây kè chắn đất khu vực xây dựng nhà công vụ giáo viên trường TH-THCS Háng Đồng (công trình nhận tài trợ của Công ty TNHH khách sạn Fortuna Hà Nội)	Bán Háng Đồng, xã Háng Đồng	2024	1103 20/8/2024	276	276	276	276	276	
IV	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC				8.445	8.445	5.698	4.769	5.698	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				8.445	8.445	5.698	4.769	5.698	
1	Phòng họp HĐND-UBND huyện	Thị trấn Bắc Yên	2023-2024	851 15/8/2023	5.950	5.950	5.568	4.769	5.568	
2	Nâng cấp, sửa chữa phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bắc Yên	Thị trấn	2024-2026	229 26/02/2025	2.495	2.495	130		130	
V	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ				10.231	10.231	10.027	7.172	10.027	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				10.231	10.231	10.027	7.172	10.027	
1	Chỉnh trang đô thị thị trấn Bắc Yên chào mừng Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên	2022-2023	1547 12/12/2022	6.446	6.446	6.242	6.242	6.242	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
2	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Chợ trung tâm Bắc Yên	Tiểu khu 3, Thị trấn	2024	735 28/5/2025	1.685	1.685	1.685	930	1.685	
3	Đổ bê tông đường nội bán từ đầu cầu Suối Tù đến đường Tỉnh lộ 111	Xã Chim Ván	2025	374 26/3/2025	2.100	2.100	2.100		2.100	

Biểu số 02.2

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN MAI SƠN
QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 526/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng											
TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ				559.374	332.211	273.396	145.143	273.396	273.396	
A	NGUỒN THU XỔ SỐ KIẾN THIẾT HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				50.510	19.359	18.170	13.622	18.170	18.170	
I	Giao thông				36.535	12.430	12.053	7.873	12.053	12.053	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				36.535	12.430	12.053	7.873	12.053	12.053	
1	Đường giao thông đến bản Rừng Thông, xã Mường Bon	Xã Mường Bon	2023-2025	1069 16/6/2023	4.806	1.700	1.553	1.553	1.553	1.553	
2	Đường nội đồng bản Nà Hường	Xã Nà B ó	2023-2025	1074 16/6/2023	1.500	500	500	500	500	500	
3	Đường nội bản Cang Mường - Nong Ten	Xã Mường Chanh	2023-2025	1070 16/6/2023	4.331	1.500	1.416	1.416	1.416	1.416	

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
4	Rãnh thoát nước dọc tuyến đường trung tâm xã	Xã Chiềng Ban	2023-2025	1075 16/6/2023	4.329	1.540	1.394	1.240	1.394		
5	Đường giao thông đến bản Thống Nhất	Xã Chiềng Ban	2024-2025	3675 10/11/2023	3.000	1.000	1.000	500	1.000	1.000	
6	Đường nội bản bản Hóm - Bản Phúc Lợi	Xã Mường Chanh	2024-2025	1176 19/6/2024	1.875	625	625	625	625	625	
7	Đường nội bản Chiềng Đen	Xã Mường Chanh	2024-2025	1186 21/6/2024	1.500	500	500	500	500	500	
8	Hệ thống rãnh thoát nước tuyến đường Yên Tiến - Nà Cang	Xã Hát Lót	2024-2025	1187 21/6/2024	4.617	1.539	1.539	1.539	1.539	1.539	
9	Đường đến bản Tong Chiềng - Huổi Hải, xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	2024-2025	2613 28/11/2024	3.978	1.326	1.326	1.326		1.326	
10	Đường trục, liên bản Khoa, xã Chiềng Chung	Xã Chiềng Chung	2024-2025	2623 29/11/29024	1.500	500	500	500		500	
11	Đường nội bản Khoa, xã Chiềng Chung	Xã Chiềng Chung	2024-2025	2621 28/11/2024	5.099	1.700	1.700	1.700		1.700	
II	Văn hóa, Thông tin				3.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				3.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
1	Nhà văn hóa bán Ô Tra xã Mường Bon huyện Mai Sơn	Xã Mường Bon	2024-2025	793 15/04/2024	1.500	500	500	500	500	
2	Sửa chữa, nâng cấp Nhà Văn hoá xã thành Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	Xã Mường Bon	2024-2025	1170 19/6/2024	1.500	500	500	500	500	
III	Cấp nước, thoát nước				1.500	500	500	132	500	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				1.500	500	500	132	500	
1	Nước sinh hoạt bản Bông xã Mường Chanh huyện Mai Sơn	Xã Mường Chanh	2024-2025	358 31/01/2021	1.500	500	500	132	500	
IV	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				9.475	5.429	4.617	4.617	4.617	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				9.475	5.429	4.617	4.617	4.617	
1	Trường TH-THCS Mường Bằng. Hạng mục: Nhà chức năng + lớp học 8P	Xã Mường Bằng	2022-2023	3152 29/10/2021	6.500	4.429	3.630	3.630	3.630	
2	Trường Mầm non Nà Bó 4 phòng học	Xã Nà Bó	2023-2025	1082 16/6/2023	2.975	1.000	987	987	987	
B	NGUỒN BỔ SUNG CÁN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP			256.438	161.915	101.630	74.250	101.630		
I	Giao thông				63.619	52.164	33.968	29.934	33.968	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				32.000	20.545	2.681	2.076	2.681	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
1	Đường giao thông bản Nà Hạ - Phiêng Sây - Co Trai xã Hát Lót đến bản Lù xã Chiềng Lương	Xã Hát Lót, Chiềng Lương	2018-2020	370 22/3/2018	14.999	9.249	335	335	335		
2	Cầu qua suối bản Nà Hạ, Hát Lót	Xã Hát Lót	2018-2020	2540 22/10/2018	2.300	1.908	51	51	51	51	
3	Đường tránh QL6 từ tiểu khu 3/2 - đi Nhà máy Mía đường Sơn La	Thị Trấn Hát	2018	329 23/3/2018	14.701	9.389	2.295	1.690	2.295	2.295	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				31.619	31.619	31.287	27.857	31.287	31.287	
1	Đường Chiềng Chăn (ĐT.110) - Bản Tà Chiềng, xã Chiềng Chăn, huyện Mai Sơn	Xã Chiềng Chăn	2021-2023	1140 28/5/2021	14.469	14.469	14.137	13.485	14.137	14.137	
2	Đường giao thông Cò Nòi (bản Nhạp) - Chiềng Lương (Bản Lù), huyện Mai Sơn	Xã Chiềng Lương	2021-2023	2166 16/8/2021	14.900	14.900	14.900	14.368	14.900	14.900	
3	Điểm đầu nối tuyến nhánh Quốc lộ 37 với đường QL 6 cũ tại tiểu khu 3, xã Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2021	1173 28/5/2021	2.250	2.250	2.250	4	2.250	2.250	
II	Hoạt động cơ quan quản lý nhà nước				75.663	46.850	13.313	6.706	13.313	13.313	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				45.663	17.984	13.182	6.575	13.182	13.182	
1	Trụ sở làm việc Đảng Ủy HĐND - UBND xã Chiềng Dong, huyện Mai Sơn	Xã Chiềng Dong	2018-2020	3041 30/10/2017	5.815	4.956	154	154	154	154	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
2	Trụ sở các cơ quan chính trị - hành chính huyện Mai Sơn	Thị Trấn Hát	2019-2025	1751 16/8/2018	39.848	13.028	13.028	6.421	13.028	13.028	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				30.000	28.866	131	131	131	131	
1	Hội trường Trung tâm Chính trị -Hành chính huyện Mai Sơn	TT Hát Lót	2022	NQ số 02 ngày 21/02/2022	30.000	28.866	131	131	131	131	
III	Công nghiệp, điện				3.500	2.050	56	56	56	56	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				3.500	2.050	56	56	56	56	
1	Điện sinh hoạt bản Nậm Luông, xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	2018-2020	2586 31/10/2018	3.500	2.050	56	56	56	56	
IV	Văn hóa thông tin				13.452	8.133	5.553	5.436	5.553	5.553	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				2.552	2.353	389	389	389	389	
1	Nhà Văn hóa xã Chiềng Nọi	Xã Chiềng Nọi	2019-2020	2232 30/10/2019	2.552	2.353	389	389	389	389	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				10.900	5.780	5.164	5.047	5.164	5.164	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
1	Nhà Văn hoá xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung	2021-2023	1138 28/5/2021	2.400	1.300	694	694	694		
2	Nhà Văn hoá xã Phiềng Cầm	Xã Phiềng Cầm	2021-2023	1139 28/5/2021	2.400	1.300	1.291	1.291	1.291		
3	Nhà Văn hóa xã Chiềng Mai	Xã xã Chấn	2021-2023	2198 21/8/2021	3.700	900	899	899	899		
4	Nhà Văn hóa xã Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2021-2023	2168 16/8/2021	2.400	2.280	2.280	2.163	2.280		
V	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				41.637	28.702	25.835	25.131	25.835		
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				14.162	7.156	6.201	6.201	6.201		
1	Trường TH-THCS Chiềng Sung. Hạng mục: Nhà lớp học 1P và hạng mục phụ trợ điểm trường bản Bó Pháy	Xã Chiềng Chấn	2019-2020	2231 30/10/2019	827	751	52	52	52	52	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
2	Trường TH - THCS Hoàng Văn Thụ xã Chiềng Mung huyện Mai Sơn: Hạng mục xây dựng mới nhà lớp học 2T6P, sân công đường bê tông nhà vệ sinh 6 gian; cải tạo sửa chữa nhà chức năng, bục sân khấu và một số hạng mục phụ trợ khác	Xã Chiềng Mung	2019-2020	2816 25/12/2019	6.500	2.133		1.878	1.878	1.878	
3	Trường TH và THCS Tô Hiệu thị trấn Hát Lót hạng mục: Xây mới nhà lớp học 2T8P và hệ thống phòng cháy chữa cháy	Thị Trấn Hát	2019-2020	3147 31/12/2019	6.835	4.272		4.272	4.272	4.272	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				27.475	21.546		19.633	18.930	19.633	
1	Trường Mầm non Hoa Hồng (Điểm trường TK15). Hạng mục: Nhà lớp học 6P	Hạng Mục: Nhà	2021-2023	2163 16/8/2021	6.950	6.603		6.471	6.471	6.471	
2	Trường TH-THCS Mường Bằng. Hạng mục: Nhà chức năng + lớp học 8P		2021-2023	2197 21/8/2021	6.500	1.620		787	787	787	
3	Trường Mầm non Tô Hiệu, TT Hát Lót. Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng ; hệ thống phòng cháy chữa cháy và các hạng mục phụ trợ	TT Hát Lót	2022-2023	1137 28/5/2021	6.725	6.389		5.937	5.937	5.937	
4	Trường TH - THCS Tô Hiệu; Hạng mục: NLH 2 tầng 10 phòng	TT Hát Lót	2023-2024	3414 12/10/2023	7.300	6.935		6.438	5.735	6.438	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
VI	Nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				2.033	1.955	1.860	1.860	1.860	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				2.033	1.955	1.860	1.860	1.860	
1	Kênh mương tưới tiêu bản Tản Pầu, xã Mường Bằng	Xã Mường Bằng	2021-2023	1141 28/5/2021	2.033	1.955	1.860	1.860	1.860	
VII	Cấp nước thoát nước				5.386	2.817	2.385	2.385	2.385	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				5.386	2.817	2.385	2.385	2.385	
1	Nước sinh hoạt khu dân cư mới bản Nà Rằm, xã Chiềng Lương		2021-2023	1142 28/5/2021	1.886	1.817	1.385	1.385	1.385	
2	Nước sinh hoạt bản Yên Bình, xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Chăn	2021-2023	2165 16/8/2021	3.500	1.000	1.000	1.000	1.000	
VIII	Công trình công cộng tại các đô thị				51.149	19.245	16.660	2.741	16.660	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				51.149	19.245	16.660	2.741	16.660	
1	Khu tái định cư Di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2022	1221 13/6/2022	8.500	2.413	2.413	206	2.413	
2	Khuôn viên cây xanh Tiểu khu 4, trị trấn Hát Lót	TT Hát Lót	2023-2025	828 06/5/2023	16.180	6.000	5.090	2.211	5.090	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
3	Cải tạo, nâng cấp đường trung tâm Mai Sơn (bản Dôm, thị trấn Hát Lót) - khu công nghiệp Mai Sơn (Bản Tiến Xa, xã Mường Bon) đoạn từ ngã ba Bản Dôm - TK16	Xã Mường Bon	2025	544 28/3/2025	24.469	8.832	8.832		8.832	
4	Khu dân cư Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai		1088 19/5/2022	2.000	2.000	324	324	324	
IV	Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn						2.000		2.000	
C	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC PHÂN CẤP				252.426	150.937	153.596	57.271	153.596	
I	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước				185.590	98.500	98.500	38.673	98.500	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				185.590	98.500	98.500	38.673	98.500	
1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	TT Hát Lót	2018-2020	1751 16/08/2018	185.590	98.500	98.500	38.673	98.500	
II	Nông lâm nghiệp thủy lợi thủy sản				14.649	2.250	1.689	1.406	1.689	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				14.649	2.250	1.689	1.406	1.689	
1	Hệ thống thoát lũ, xử lý ngập úng khu vực thị trấn Hát Lót và khu vực xã Chiềng Mung	TT Hát Lót	2019-2020	1060 18/06/2019	14.649	2.250	1.689	1.406	1.689	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
III	Giao thông					3.500	3.500	3.500		3.500	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					3.500	3.500	3.500		3.500	
1	Cải tạo, nâng cấp đường trung tâm Mai Sơn (bản Dôm, thị trấn Hát Lót) - khu công nghiệp Mai Sơn (Bản Tiến Xa, xã Mường Bon) đoạn từ ngã ba Bản Dôm - TK16	TT Hát Lót, xã Mường Bon	2025	544 28/3/2025		3.500	3.500	3.500		3.500	
IV	Lĩnh vực khác					48.687	46.687	30.706	17.192	30.706	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					48.687	46.687	30.706	17.192	30.706	
1	Khu dân cư Tiểu khu 26/3 xã Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2023-2024	2117 10/08/2021		12.700	12.700	12.700	9.917	12.700	
2	Khu TĐC Dự án Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện và các dự án khác	TT Hát Lót	2023-2024	1210 28/08/2021		11.500	11.500	11.500	7.255	11.500	
3	Khu tái định cư Di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi	Xã Cò Nòi	2023-2025	898 14/4/2022		6.087	6.087	6.087		6.087	
4	Cơ sở hạ tầng Lô 7a Khu đô thị mới Cò Nòi (chợ xép)	Xã Cò Nòi	2023-2024	04 NQ-HĐND 15/4/2022		200	200	200		200	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
5	Cơ sở hạ tầng khu dân cư trung tâm xã Mường Chanh (Chiềng Đen)	Xã Mường Chanh	2023-2024	04 NQ-HĐND 15/4/2022	200	200	200	200		200	
6	Khu dân cư xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai		04 NQ-HĐND 15/4/2022	18.000	16.000		19	19	19	
V	Chưa phân bổ chi tiết							19.200		19.200	

Biểu số 02.3

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH THỊ XÃ MỘC CHÂU

QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 526/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
	TỔNG SỐ				2.308.271	1.043.390	1.004.140	706.706	1.004.140	
A	NGUỒN BỔ SUNG CÁN ĐỐI HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				111.985	15.040	15.040	11.030	15.040	
I	Cấp nước, thoát nước				25.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				25.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
1	Nước sinh hoạt liên xã Tà Lại, Nà Mường, huyện Mộc Châu	Xã Tà lại	2022 - 2024	309 01/03/2022	25.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
II	Công nghiệp, điện				3.478	663	663		663	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				3.478	663	663		663	
1	Hệ thống điện chiếu sáng đô thị tuyến QL43 từ ngã ba 64 đến bản Suối Khem, xã Phiêng Luông	Xã Phiêng Luông	2024-2026	2567 25/9/2024	3.478	663	663		663	
III	Giao thông				61.361	9.100	9.100	6.547	9.100	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				61.361	9.100	9.100	6.547	9.100	
1	Cầu bê tông qua suối Tà Lại đi bản C5, tháng 5 đến xã Tân Lập, huyện Mộc Châu	Xã Tân Lập	2024-2026	2570 25/9/2024	4.263	1.000	1.000		1.000	
2	Đường giao thông liên bản Bốc Pát - Bản Phiêng Cài, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu	Xã Lóng Sập	2024-2026	3127 13/12/2024	4.990	1.002	1.002		1.002	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024	Tổng cộng		
3	Đường giao thông liên bản Phách - Bản Trọng, xã Chiềng Khừa	Xã Chiềng Khừa	2022 - 2024	1380 31/8/2022		6.000	1.100	1.100	1.100	
4	Đường giao thông liên bản Ông Lý-Xa Lú, xã Chiềng Khừa	Xã Chiềng Khừa	2023- 2025	2005 15/12/2022		5.500	180	180	180	
5	Đường giao thông nội bản TĐC Suối Tồn, xã Tà Lại	Xã Tà Lại	2022 - 2024	1384 31/8/2022		3.000	266	266	266	
6	Đường giao thông từ bản Nà Cạn, xã Tà Lại - bản Tầm Phế, xã Tân Hợp	Xã Tà Lại, xã Tân Hợp	2023 2025	2004 15/12/2022		10.660	1.945	1.945	1.945	
7	Đường giao thông từ bản Nà Sánh đến bản Sao Tua xã Tân Hợp	Xã Tân Hợp	2022 - 2024	1381 31/8/2022		10.000	1.006	1.006	1.006	
8	Đường giao thông nội đồng bản Suối Thín, xã Chiềng Sơn	Xã Chiềng Sơn	2022 - 2024	1389 31/8/2022		4.000	500	500	500	
9	Đường giao thông từ trung tâm bản Tong Hán đến cụm dân cư Tong Kiêng, xã Chiềng Hắc	Xã Chiềng Hắc	2023- 2025	2126 28/12/2022		3.255	350	350	350	
10	Tuyến đường liên xã Tà Lại - Tân Lập (từ trung tâm xã Tà Lại qua bản Nong Cụt, xã Tà Lại đến bản Dọi, xã Tân Lập)	Xã Tân Lập	2023- 2025	2118 28/12/2022		7.500	1.500	1.500	1.500	
11	Cầu dân sinh bản Lùn, xã Mường Sang	Xã Mường Sang	2023 - 2025	2138 28/12/2022		2.193	250	250	250	
IV	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					4.700	675	675	675	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					4.700	675	675	675	
1	Trường PTDT BT TH&THCS Chiềng Khừa; Hạng mục: Nhà lớp học 2T4P	Xã Chiềng Khừa	2024-2026	2571 25/9/2024		3.200	600	600	600	
2	Nhà hiệu bộ Trường PTDT BT TH&THCS Tân Hợp	Xã Tân Hợp	2021-2023	1387 31/8/2022		1.500	75	75	75	
V	Văn hóa, thông tin					17.446	2.602	2.602	2.602	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					17.446	2.602	2.602	2.602	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
1	Nhà văn hóa xã Tân Hợp		2022 - 2024	1383 31/8/2022	2.800	1.044	1.044	1.044	1.044	
2	Nhà văn hóa bán Sao Tua, xã Tân Hợp		2023 - 2025	2119 28/12/2022	1.653	190	190	188	190	
3	Nhà văn hóa bán Nà Mường, xã Tân Hợp		2022 - 2024	1370 31/8/2022	1.500	216	216	216	216	
4	Nhà văn hóa tiểu khu 30/4, xã Chiềng Sơn		2023- 2025	2130 28/12/2022	1.599	192	192		192	
5	Nhà văn hóa bán Bó Hiềng, xã Hua Păng		2023 - 2025		2.074	400	400	400	400	
6	Nhà văn hóa xã Quy Hướng		2023 - 2025	2133 28/12/2022	2.820	250	250	250	250	
7	Nhà văn hóa bán Búa, xã Đông Sang		2022 - 2024	1391 31/8/2022	1.500	100	100	100	100	
8	Nhà văn hóa bán Tụ Nhiên, xã Đông Sang		2022 - 2024	1392 31/8/2022	1.500	100	100	100	100	
9	Nhà văn hóa bán Tụ Nhiên, xã Đông Sang		2023 - 2025	2136 28/12/2022	2.000	110	110	110	110	
B	NGUỒN BỔ SUNG CẦN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP				327.245	121.150	81.900	59.840	81.900	
I	Văn hóa, thông tin				19.200	16.840	7.026	7.026	7.026	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				16.040	16.040	6.226	6.226	6.226	
1	Nhà văn hóa xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu		2019 - 2021	2350 30/10/2018	2.500	2.500	738	738	738	
2	Nhà văn hóa trung tâm xã Chiềng Hắc		2019 - 2021	3179 31/12/2018	2.349	2.349	193	193	193	
3	Nhà văn hóa bán Hong Húa, xã Lóng Sập		2019 - 2021	2049 02/10/2018	642	642	290	290	290	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
4	Nhà văn hóa tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu		2019 - 2021	2510 30/10/2019		823	823	410	410	
5	Nhà văn hóa xã Tân Lập		2019 - 2021	2373 30/10/2018		2.657	2.657	870	870	
6	Nhà văn hóa bán Lả Ngải 2, xã Mường Sang		2019 - 2021	2490 30/10/2019		1.097	1.097	567	567	
7	Nhà văn hóa tiểu khu 34, xã Tân Lập		2020 - 2022	2494 30/10/2019		1.200	1.200	570	570	
8	Nhà văn hóa bán Phiêng Cải, xã Lóng Sập		2020 - 2022	2293 08/10/2019		583	583	298	298	
9	Nhà văn hóa bán Kè Tèo, xã Nà Mường		2020 - 2022	2524 30/10/2019		975	975	563	563	
10	Sửa chữa nâng cấp nhà văn hóa bán Nà Bó 1 gắn với hạ tầng khu tổ chức lễ hội Cầu Mưa		2020 - 2022	2486 30/10/2019		624	624	228	228	
11	Nhà văn hóa xã Hua Păng		2020 - 2022	2338 30/10/2018		2.591	2.591	1.500	1.500	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					3.160	800	800	800	
1	Nhà văn hóa bán Tân Ca, xã Nà Mường		2022 - 2024	1849 30/7/2021		1.200	250	250	250	
2	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa bán: Trại Tôn, Trại Sơn		2022 - 2024	1860 30/7/2021		480	300	300	300	
3	Nhà văn hóa bán Nà Bó 2, xã Mường Sang		2022 - 2024	889 28/4/2021		1.480	250	250	250	
II	Y tế, dân số và gia đình					6.022	6.022	409	409	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025					6.022	6.022	409	409	
1	Trạm y tế xã Hua Păng; Hạng mục: Nhà khám và điều trị 2 tầng 10 phòng		2019 - 2021	2339 30/10/2018		2.777	2.777	264	264	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
2	Trạm y tế xã Đông Sang, huyện Mộc Châu; Hạng mục: Nhà điều trị và khám bệnh + các hạng mục phụ trợ		2019 - 2021	2357 30/10/2018	3.244	3.244		145	145	145	
III	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				58.343	36.570		23.040	23.040	23.040	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				16.406	16.406		2.876	2.876	2.876	
1	Trường tiểu học Tây Tiến; hạng mục Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng		2020 - 2022	447 10/3/2020	7.441	7.441		458	458	458	
2	Nhà lớp học điểm trung tâm Trường Mầm non Măng Non. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng		2019 - 2021	2046 02/10/2018	3.265	3.265		163	163	163	
3	Nhà lớp học bán Tắt Ngông thuộc trường Mầm non Chiềng Hắc. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 1 phòng		2018 - 2020	2502 30/10/2017	535	535		5	5	5	
4	Nhà lớp học bán Nà Mường thuộc trường Tiểu học Nà Mường		2019 - 2021	2181 19/10/2018	541	541		5	5	5	
5	Trường mầm non Đông Sang. Hạng mục: Cải tạo, mở rộng hệ thống bếp một chiều		2018 - 2020	2507 30/10/2017	293	293		4	4	4	
6	Nhà hiệu bộ Trường Tiểu học và PTDT BT THCS xã Chiềng Khừa		2019 - 2021	2525 30/10/2019	1.523	1.523		700	700	700	
7	Nhà lớp học bán Bó Hoi thuộc Trường Tiểu học Quy Hường		2020 - 2022	2485 30/10/2019	943	943		451	451	451	
8	Trường THCS Chiềng Sơn; hạng mục: Hệ thống thoát nước + kẻ chống sạt lở và tường rào		2020 - 2022	2480 30/10/2019	1.866	1.866		1.089	1.089	1.089	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				41.937	20.164		20.164	20.164	20.164	
1	Nhà lớp học điểm trung tâm trường Mầm non Hua Păng; Hạng mục: Nhà lớp học 2T4P		2021 - 2023	2353 30/10/2018	3.339	2.996		2.996	2.996	2.996	
2	Nhà lớp học + chức năng điểm trung tâm Trường Tiểu học và THCS 14/6, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2022-2024	3195 07/12/2021	8.022	1.350		1.350	1.350	1.350	
3	Nhà lớp học Trường Tiểu học 8/4, thị trấn Nông trường Mộc Châu; hạng mục Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng		2022-2024	1452 27/7/2023	7.312	800		800	800	800	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
4	Nhà hiệu bộ + Nhà vệ sinh điểm trung tâm Trường TH&THCS Hua Păng		2021 -2022	1028 12/5/2021	2.092	2.040	2.040	2.040	2.040	
5	Trường TH&THCS Nà Mường; hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 6 phòng		2022 -2024	3317 15/12/2021	3.627	3.444	3.444	3.444	3.444	
6	Nhà lớp học điểm trường trung tâm Trường Mầm non Nà Mường; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng		2022 -2024	918 29/4/2021	4.150	3.869	3.869	3.869	3.869	
7	Nhà công vụ giáo viên 1 tầng 2 phòng điểm Trung tâm, Trường MN Nà Mường		2022 -2024	922 29/4/2021	600	580	580	580	580	
8	Trường THCS Mộc Ly; Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng		2022 -2024	2113 27/12/2022	9.995	3.660	3.660	3.660	3.660	
9	Trường TH&THCS Ta Lai; hạng mục: Nhà Hiệu bộ; Nhà bảo vệ + Nhà vệ sinh + Sửa chữa nền nhà lớp học 2 dãy nhà 2T6P học + phụ trợ		2023 -2025	2419 15/9/2021	2.800	1.426	1.426	1.426	1.426	
IV	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước				21.287	21.287	10.994	10.994	10.994	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				21.287	21.287	10.994	10.994	10.994	
1	Lắp đặt đèn LED tại hội trường Trung tâm hành chính mới huyện Mộc Châu		2020 - 2022	1894 05/9/2019	2.500	2.500	601	601	601	
2	Trụ sở xã Hua Păng và các hạng mục phụ trợ		2020 - 2022	2497 30/10/2019	9.186	9.186	5.341	5.341	5.341	
3	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND xã Tân Lập, huyện Mộc Châu		2020 - 2022	2389 31/10/2018	9.601	9.601	5.052	5.052	5.052	
V	Công trình công cộng tại các đô thị				59.564	14.431	14.431	7.750	14.431	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				59.564	14.431	14.431	7.750	14.431	
1	Hệ thống chiếu sáng trung tâm xã Phiêng Luông		2021 - 2022	1599 22/7/2019	770	736	736	736	736	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
2	Hệ thống điện chiếu sáng bán du lịch cộng đồng bản Tà Số: 1, 2, xã Chiềng Hắc		2021 - 2022	1795 28/7/2021	2.872	1.460	1.460	1.460	1.460	
3	Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nông trường Mộc Châu (Đường Lò Văn Giá; đường từ Khách sạn Trường Giang đến ngã ba Xương Bọt; tuyến phố 3-2; phố Hoa Ban; đường Tiểu khu Bó Bun; đường Agribank đi tiểu khu 3-2)		2021 - 2023	1701 28/10/2022	4.745	900	900	900	900	
4	Chỉnh trang đô thị: Hàng mục: Hệ thống kê tuổi Ang đoạn qua tiểu khu Nhà nghỉ, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2021 - 2023	859 25/4/2021	13.740	2.720	2.720	2.720	2.720	
5	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu; hàng mục: Điện trang trí đô thị		2022 -2024	2713 22/10/2024 (đc)	18.846	1.200	1.200		1.200	
6	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến TL104 từ tiểu khu Cờ Đỏ đi Pa Khen III (đến ngã ba vào Nà Ka), thị trấn Nông trường Mộc Châu		2024-2026	2556 25/9/2024	7.213	2.500	2.500		2.500	
7	Chỉnh trang hệ đường tuyến đường 20/11, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2024-2026	2556 25/9/2024	6.700	2.500	2.500	1.133	2.500	
8	Hệ thống điện chiếu sáng đô thị tuyến QL43 từ ngã ba 64 đến bản Suối Khem, xã Phiêng Luông		2024-2026	2567 25/9/2024	3.478	1.800	1.800	800	1.800	
9	Trang trí đô thị Chào mừng Thành lập thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2024 - 2026	3125 13/12/2024	1.200	614	614		614	
VI	Giao thông				30.654	6.080	6.080	4.077	6.080	
(1)	Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				30.654	6.080	6.080	4.077	6.080	
1	Nâng cấp đường giao thông từ Trường tiểu học 14/6 - tiểu khu Hoa Ban - tiểu khu 64, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2022-2024	1243 08/6/2021	9.005	2.680	2.680	2.680	2.680	
2	Cầu treo bản Long Phú, xã Chiềng Hắc		2022-2024	2593 31/10/2019	2.649	1.000	1.000	1.000	1.000	
3	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (Giai đoạn 4), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2021 - 2023	3294 15/12/2021	19.000	2.400	2.400	397	2.400	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
VII	Cấp nước, thoát nước				28.000	6.156	6.156	5.544	6.156	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				28.000	6.156	6.156	5.544	6.156	
1	Nước sinh hoạt liên bản Tân Thuật - Long Phú, xã Chiềng Hắc		2022 -2024	2659 15/9/2018	3.000	1.189	1.189	1.189	1.189	
2	Nước sinh hoạt liên xã Tà Lai, Nà Mường, huyện Mộc Châu		2022 -2024	309 01/03/2022	25.000	4.967	4.967	4.355	4.967	
VIII	Lĩnh vực khác				104.175	13.764	13.764	1.000	13.764	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				104.175	13.764	13.764	1.000	13.764	
1	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2022 - 2024	1743 31/10/2022	23.900	4.000	4.000		4.000	
2	Đầu tư hạ tầng khu tái định cư khu tái định cư tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu		2022 - 2024	1814 10/11/2022	21.275	1.787	1.787		1.787	
3	Đầu tư hạ tầng Khu đất đầu giá đường QL6 vào Tháo Nguyên, Thị trấn Nông trường Mộc Châu		2024 - 2026	2820 07/11/2024	29.000	4.425	4.425		4.425	
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đầu giá trung tâm hành chính mới; hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt		2024-2026	2565 25/9/2024	30.000	3.552	3.552	1.000	3.552	
C	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT				1.835.162	865.000	865.000	604.336	865.000	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				705.320	220.345	220.345	215.330	220.345	
1	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm hành chính mới huyện Mộc Châu		2018-2019	2314 30/10/2018	1.657	1.124	1.124	1.124	1.124	
2	Quy hoạch chi tiết khu đô thị Tây Tiến, thị trấn Mộc Châu		2017-2018	563 01/4/2016	571	23	23	23	23	
3	Quy hoạch tổng mặt bằng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dịch vụ hợp tác xã Hợp Nhất, tiểu khu 5, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2019-2020	669 08/4/2019	319	105	105	105	105	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024	Tổng cộng		
4	Quy hoạch Công viên khu ngã ba đường mới (khách sạn Mường Thanh), thị trấn Nông trường Mộc Châu		2017-2018	559 01/4/2016		711	33	33	33	
5	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tổ hợp khách sạn, nhà ở và chợ du lịch Mộc Châu		2018-2020	1216 25/6/2018		595	494	494	494	
6	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cụm Công nghiệp Mộc Châu, Thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2018-2020	2676 23/11/2018		1.317	223	223	223	
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu du lịch văn hóa tâm linh Chùa Mường Sang (chùa Vật Hồng), xã Mường Sang, huyện Mộc Châu		2018-2020	512 29/3/2018		812	324	324	324	
8	Quy hoạch chi tiết nghĩa trang xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2018-2020	2936 20/12/2018		174	70	70	70	
9	Quy hoạch chi tiết khu chôn lấp, xử lý chất thải rắn xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2019-2021	291 18/2/2019		140	40	40	40	
10	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư bản Nà Bó, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu		2017-2018	2111 14/11/2016		339	8	8	8	
11	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư tiểu khu 10, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019-2020	664 23/4/2018		699	65	65	65	
12	Dự án đo đạc bản đồ địa chính đối với diện tích đất Công ty cổ phần Chè Chiềng Ve đang sử dụng có nguồn gốc từ nông trường và phần đất Công ty trả lại cho huyện quản lý.		2019-2021	241 01/02/2019		2.777	970	970	970	
13	Xây dựng biển pano quy hoạch chung đô thị Mộc Châu		2020-2021	1174 14/5/2020		135	130	130	130	
14	Cắm mốc ranh giới quy hoạch Khu đô thị sinh thái kiểu mẫu Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2020-2021	1175 14/5/2020		86	36	36	36	
15	Đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với diện tích đất có nguồn gốc từ nông trường; lập hồ sơ địa chính, cấp giấy CNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân đối với diện tích đất Công ty Cổ phần Chè Cờ Đỏ Mộc Châu trả lại cho huyện quản lý trên địa bàn xã		2019-2021	242 01/02/2019		4.561	1.042	1.042	1.042	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
	Tân Lập, huyện Mộc Châu.									
16	Đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với diện tích đất có nguồn gốc từ nông trường; lập hồ sơ địa chính, cấp giấy CNQSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân đối với diện tích đất Công ty Cổ phần Chè Cờ Đỏ Mộc Châu, Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu và Công ty cổ phần Vinatea Mộc Châu trả lại cho huyện quản lý trên địa bàn thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019-2021	245 11/2/2019		26.864	2.000	2.000	2.000	
17	Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/2000 căn cứ hậu phương - căn cứ hậu cần kỹ thuật; căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ huyện Mộc Châu		2021-2022	NQ 11 13/8/2021		1.635	1.635	1.635	1.635	
19	Điều chỉnh Tổng mặt bằng xây dựng Dự án Đường giao thông bản Áng 3, xã Đông Sang		2020-2021	3508 12/12/2020		83	83	83	83	
20	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư thực hiện dự án Cụm công nghiệp Mộc Châu, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2020-2021			2.293	2.505	2.505	2.505	
21	Đường giao thông nông thôn từ QL6 đến trung tâm bản Tà Số 2, xã Chiềng Hắc		2017 - 2019	2173 29/9/2017		14.538	207	207	207	
22	Đường vào trung tâm bản Tà Số 1 đến điểm dân cư Sái Lầu, xã Chiềng Hắc		2019 - 2021	1948 06/8/2020		13.579	763	763	763	
23	Kè chống sạt lở bờ hữu suối Mon đoạn qua thị trấn Mộc Châu		2017 - 2019	2605 31/10/2016		43.060	1.554	1.554	1.554	
24	Các hạng mục phụ trợ + thiết bị Nhà văn hóa xã Mường Sang		2018 - 2020	2518 30/10/2018		1.020	43	43	43	
25	Nhà văn hóa tiêu khu S89, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2018 - 2020	2580 31/10/2017		600	136	136	136	
26	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND - UBND xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu		2018 - 2020	2574 31/10/2017		8.784	569	569	569	
27	Nhà lớp học trường THCS Quy Hương, xã Quy Hương. Hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng		2018 - 2020	1658 08/8/2018		2.703	67	67	67	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
28	Nhà lớp học trường mầm non Bình Minh. Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng		2018 - 2020	2485 30/10/2017		5.400	1.113	1.113	1.113	
29	Nhà hiệu bộ + nhà bảo vệ trường mầm non Phiêng Luông		2018 - 2020	3227 31/12/2017		1.044	226	226	226	
30	Kê chắn đất thuộc Bệnh viện Đa khoa huyện Mộc Châu		2018 - 2020	2573 31/10/2017		681	160	160	160	
31	Hệ thống điện chiếu sáng một số tuyến đường trên địa bàn thị trấn NTMC		2018 - 2020	1537 16/7/2019 (ĐC)		3.338	203	203	203	
32	Kê chống sạt lở khu vực bán trú trường THCS Quy Hướng, xã Quy Hướng		2019-2020	2398 31/10/2018		2.229	137	137	137	
33	Hạng mục phụ trợ Bệnh viện đa khoa huyện Mộc Châu		2019-2020	2358 30/10/2018		2.425	667	667	667	
34	Sơn, sửa công, tường rào, nhà làm việc Trụ sở Huyện ủy, HĐND - UBND huyện Mộc Châu		2019-2020	2401 31/10/2018		884	266	266	266	
35	Xây dựng vỉa hè thuộc các thị trấn trên địa bàn huyện Mộc Châu		2019-2020	128 18/1/2019		2.918	91	91	91	
36	Di chuyển nhà tạm giữ phương tiện vi phạm trật tự an toàn giao thông Công an huyện Mộc Châu		2019-2020	682 18/1/2019		498	300	300	300	
37	Nhà lớp học bán A Lá thuộc trường mầm non Lóng Sập. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	544 18/4/2017		1.129	7	7	7	
38	Nhà lớp học bán Pha Đón thuộc trường mầm non Lóng Sập. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 1 phòng		2018 - 2020	545 18/4/2017		629	3	3	3	
39	Nhà lớp học bán Co Cháy thuộc trường mầm non Lóng Sập. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 1 phòng		2018 - 2020	546 18/4/2017		609	10	10	10	
40	Nhà lớp học bán Buốc Pát thuộc trường mầm non Lóng Sập. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 1 phòng		2018 - 2020	547 18/4/2017		614	2	2	2	
41	Nhà lớp học bán Buốc Quang thuộc trường mầm non Lóng Sập.		2018 - 2020	548		1.131	8	8	8	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
	Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng			18/4/2017						
42	Nhà lớp học bán A Mía 2 thuộc trường mầm non Lóng Sập. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 1 phòng		2018 - 2020	549 18/4/2017	609	3	3	3	3	
43	Nhà lớp học bán Hong Húa thuộc trường mầm non Lóng Sập. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 1 phòng		2018 - 2020	550 18/4/2017	617	1	1	1	1	
44	Nhà lớp học bán Hin Pén thuộc trường mầm non Phong Lan. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	2347 30/10/2018	1.112	59	59	59	59	
45	Nhà lớp học Tiểu khu 19/5 thuộc trường mầm non Phong Lan. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	2343 30/10/2018	1.198	47	47	47	47	
46	Nhà lớp học bán Nà Giàng thuộc trường mầm non Quy Hướng. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	562 18/4/2017	1.157	2	2	2	2	
47	Nhà lớp học bán Pha Đôn thuộc trường tiểu học Lóng Sập. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 5 phòng		2018 - 2020	611 20/4/2017	1.752	10	10	10	10	
48	Nhà lớp học bán Nà Sánh thuộc trường mầm non Tân Hợp. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 1 phòng		2018 - 2020	540 18/4/2017	616	12	12	12	12	
49	Nhà lớp học bán Suối Sây thuộc trường mầm non Tân Hợp. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	541 18/4/2017	1.158	21	21	21	21	
50	Nhà lớp học bán Nà Mý thuộc trường mầm non Tân Hợp. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 1 phòng		2018 - 2020	542 18/4/2017	621	13	13	13	13	
51	Nhà lớp học bán Suối Chanh thuộc trường mầm non Tân Hợp. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 1 phòng		2018 - 2020	543 18/4/2017	628	12	12	12	12	
52	Nhà lớp học Tiểu khu 6 thuộc trường mầm non Phong Lan. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	34 12/1/2018	1.133	98	98	98	98	
53	Nhà lớp học bán Bến Trại thuộc trường mầm non Quy Hướng. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	564 18/4/2017	1.176	33	33	33	33	
54	Nhà lớp học bán Sao Tua thuộc trường tiểu học Tân Hợp. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng		2018 - 2020	588 19/4/2017	1.559	16	16	16	16	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
55	Nhà lớp học bán Nà Mý thuộc trường tiểu học Tân Hợp. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	589 19/4/2017	751	10	10	10	10	
56	Nhà lớp học bán Cà Đạc thuộc trường tiểu học Tân Hợp. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	590 19/4/2017	746	12	12	12	12	
57	Nhà lớp học bán Suối Sáy thuộc trường tiểu học Tân Hợp. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	591 19/4/2017	759	11	11	11	11	
58	Nhà lớp học bán Nà Giảng thuộc trường tiểu học Quy Hướng. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng		2018 - 2020	593 19/4/2017	1.325	77	77	77	77	
59	Nhà lớp học điểm trung tâm thuộc trường tiểu học Quy Hướng. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng		2018 - 2020	594 19/4/2017	2.621	15	15	15	15	
60	Di chuyển đường điện 22KV đoạn qua khu đất thu hồi của Công ty CP Khoáng sản Sơn La tại tiểu khu Nhà nghỉ, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2018 - 2019	1990 11/9/2017	1.036	14	14	14	14	
61	Nhà lớp học bán Dội thuộc trường mầm non Tân Lập. Hạng mục nhà lớp học 1T2P		2018 - 2020	2518 30/10/2017	1.040	61	61	61	61	
62	Nhà lớp học bán Dội thuộc trường tiểu học Tân Lập. Hạng mục: Nhà lớp học 1T2P		2018 - 2020	2248 11/10/2017	718	11	11	11	11	
63	Nhà lớp học trường THCS Tân Lập, xã Tân Lập. Hạng mục nhà lớp học 1T4P		2018 - 2020	2079 21/9/2017	1.331	42	42	42	42	
64	Trường trung học cơ sở Nà Tân, xã Tân Lập. Hạng mục nhà lớp học 1T4P		2018 - 2020	2080 21/9/2017	1.334	26	26	26	26	
65	Nhà công vụ giáo viên trường THCS Nà Mường. Hạng mục nhà công vụ 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	2171 29/9/2017	426	20	20	20	20	
66	Mở rộng đường Lò Văn Giá (giai đoạn 2) đoạn từ trường THPT Tháo Nguyên đến ngã tư tiểu khu Vườn Đào		2017 - 2019	1981 30/10/2016	14.995	153	153	153	153	
67	Thủy lợi bản Cang, xã Chiềng Khừa		2017 - 2019	2014 31/10/2016	2.875	23	23	23	23	
68	Nhà bếp ăn 1 chiều trường mầm non Sơn Ca, tiểu khu 64, thị trấn		2018 - 2020	2590	300	40	40	40	40	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
	Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu			31/10/2017						
69	Bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử bia cấm thù tại Km70, thị trấn Nông Trường Mộc Châu		2018 - 2020	2597 31/10/2017		367	23	23	23	
70	Nhà văn hóa bán Suối Khem, xã Phiêng Luông		2018 - 2020	3226 31/12/2017		635	9	9	9	
71	Nhà văn hóa bán Xóm Lôm, xã Phiêng Luông		2018 - 2020	3228 31/12/2017		600	37	37	37	
72	Trạm y tế xã Quý Hương, huyện Mộc Châu. Hạng mục: Sân, công tường rào và đường vào trạm		2018 - 2020	2539 30/10/2017		713	42	42	42	
73	Nâng cấp đường giao thông trung tâm hành chính mới, huyện Mộc Châu		2018 - 2020	2615 19/11/2018		2.303	344	344	344	
74	Lắp đặt màn hình LED phục vụ công tác quảng bá hình ảnh huyện Mộc Châu tại khu trung tâm hành chính mới, thị trấn Mộc Châu		2018 - 2020	1594 01/8/2018		1.534	5	5	5	
75	Nhà lớp học tiểu khu Xường Sĩa thuộc trường Mầm non Hoa Đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu. Hạng mục nhà lớp học 1T2P		2018 - 2020	2632 02/11/2017		534	33	33	33	
76	Nhà lớp học tiểu khu Mía Đường thuộc trường Mầm non Măng Non, thị trấn Nông trường Mộc Châu. Hạng mục nhà lớp học 1T2P		2018 - 2020	1322 28/6/2018		980	54	54	54	
77	Nhà văn hóa xã Nà Mường, huyện Mộc Châu		2018 - 2020	1522 12/7/2019 (Đ/c)		2.477	289	289	289	
78	Nhà lớp học bán Tà Phình thuộc trường tiểu học Nà Tân. Hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 3 phòng		2019 - 2021	2090 09/10/2018		1.425	206	206	206	
79	Nhà hiệu bộ + Sân bê tông, nhà vệ sinh trường THCS Nà Tân		2019 - 2021	2128 15/10/2018		1.292	175	175	175	
80	Nhà bếp + Nhà bảo vệ điểm trung tâm Trường mầm non Chiềng Hắc		2019 - 2021	1001 12/6/2018		701	87	87	87	
81	Nhà lớp học tiểu khu 9 thuộc trường mầm non Tân Lập. Hạng mục nhà lớp học 1T2P		2019 - 2021	419 19/3/2018		1.032	72	72	72	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
82	Trường THCS 14/6, thị trấn Nông trường Mộc Châu. Hạng mục nhà lớp học 2T6P		2019 - 2021	580 13/4/2018	2.333	98	98	98	98	
83	Nhà lớp học điểm trung tâm trường Tiểu học 19/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu. Hạng mục nhà lớp học 2T8P		2019 - 2021	815 14/5/2018	3.224	71	71	71	71	
84	Nhà lớp học bán Sầm Nặm thuộc trường Mầm non Nà Mường. Hạng mục nhà lớp học 1T1P		2019 - 2021	682 26/4/2018	560	53	53	53	53	
85	Nhà lớp học bán Đoàn Kết thuộc trường Mầm non Nà Mường. Hạng mục nhà lớp học 1T1P		2019 - 2021	1999 25/9/2018	541	8	8	8	8	
86	Trường PTDT bán trú THCS Tân Hợp. Hạng mục nhà lớp học 2T6P		2019 - 2021	850 17/5/2018	2.448	161	161	161	161	
87	Trường THCS Đông Sang, hạng mục: Nhà hiệu bộ 1T4P, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ khác		2019 - 2021	2524 30/10/2017	1.540	158	158	158	158	
88	Trường THPT Mộc Lỵ; hạng mục Nhà lớp học 4 tầng		2019 - 2021	489 16/3/2020	11.528	568	568	568	568	
89	Nhà lớp học điểm trung tâm trường tiểu học Tân Hợp; hạng mục Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng		2019 - 2021	1552 27/7/2017	2.651	47	47	47	47	
90	Xây dựng Trường THCS Phiêng Luông, hạng mục: xây mới Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng; Nhà hiệu bộ; nhà vệ sinh; Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 6 phòng (cũ) + dãy nhà 4 phòng học (cũ); Sân, cổng tường rào		2019 - 2021	243 26/2/2018	5.311	226	226	226	226	
91	Nhà lớp học bán Cò Liu thuộc Trường Mầm non xã Chiềng Hắc; hạng mục Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2018 - 2020	2774 22/11/2017	1.009	144	144	144	144	
92	Nhà văn hóa bán Áng 3, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu		2018 - 2020	2577 31/10/2017	648	191	191	191	191	
93	Trung tâm hành chính công + Trụ sở phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mộc Châu		2018 - 2020	2534 30/10/2017	9.630	1.169	1.169	1.169	1.169	
94	Trụ sở, các hạng mục phụ trợ Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện		2018 - 2020	2356 13/10/2017	7.962	3.310	3.310	3.310	3.310	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024	Tổng cộng		
95	Hạ tầng bến thuyền Nà Quئن, xã Quy Hương		2018 - 2020	2070 20/9/2017		703	9	9	9	
96	Nâng cấp, cải tạo sân vận động huyện Mộc Châu		2018 - 2020	2594 31/10/2017		6.094	1.081	1.081	1.081	
97	Nâng cấp, cải tạo nhà văn hóa huyện Mộc Châu		2018 - 2020	2178 29/9/2017		10.119	1.317	1.317	1.317	
98	Nâng cấp đường vào trường phổ thông dân tộc nội trú, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019 - 2021	1914 03/9/2019		5.337	1.289	1.289	1.289	
99	Đường giao thông từ QL6 đến trường THPT Thao Nguyên, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019 - 2021	2937 10/12/2019		16.929	173	173	173	
100	Cầu bê tông đi Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, xã Đông Sang		2019 - 2021	1895 07/9/2018		2.040	191	191	191	
101	Hệ thống thoát lũ bản Long Cóc, xã Tân Lập		2019 - 2021	2184 29/9/2017		987	190	190	190	
102	Quảng trường trung tâm hành chính mới huyện Mộc Châu		2018 - 2020	2179 29/9/2017		14.997	178	178	178	
103	Hạng mục phụ trợ Quảng trường trung tâm hành chính mới huyện Mộc Châu		2019 - 2021	1703 13/8/2018		1.968	99	99	99	
104	Nhà văn hóa tiểu khu 19/8, thị trấn Nông Trường Mộc Châu		2018 - 2020	2567 31/10/2017		921	101	101	101	
105	Nhà cấp phát thuốc Methadone + Phụ trợ trạm y tế xã Tân Lập		2019 - 2021	2319 30/10/2018		398	28	28	28	
106	Nhà lớp học điểm trung tâm trường tiểu học Tân Lập. Hạng mục nhà lớp học 2T6P		2018 - 2020	2073 21/9/2017		2.440	36	36	36	
107	Nhà lớp học bản Kè Tèo thuộc trường mầm non Nà Mường. Hạng mục nhà lớp học 1T1P		2019 - 2021	2616 19/11/2018		612	59	59	59	
108	Xử lý điểm ùn tắc đảm bảo trật tự an toàn giao thông học đường tại các khu vực công trường học trên địa bàn 2 thị trấn		2019 - 2021	351 28/2/2019		508	30	30	30	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng		
109	Cấp điện sinh hoạt điểm tái định cư Lả Mường, xã Chiềng Sơn		2018 - 2020	2378 31/10/2018		819	135	135	135	
110	Đường giao thông + san nền điểm tái định cư Lả Mường, xã Chiềng Sơn		2018 - 2020	2379 31/10/2018		2.382	145	145	145	
111	Xử lý sạt lở khu vực điểm tái định cư bản Lả Mường, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu		2018 - 2020	2590 30/10/2019		719	130	130	130	
112	Son vạch kẻ đường, chỉ dẫn đường Lò Văn Giá, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2019 - 2020	1462 8/7/2019		390	66	66	66	
113	Nhà văn hóa bản Tân Thuật, xã Chiềng Hắc		2019 - 2021	2065 04/10/2018		613	36	36	36	
114	Nhà văn hóa tiểu khu 3/2, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019 - 2021	2352 30/10/2018		1.003	73	73	73	
115	Nhà vệ sinh trường tiểu học và Trung học cơ sở Tân Lập		2019 - 2020	1872 29/8/2019		892	298	298	298	
116	Nhà vệ sinh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Nà Tân, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2019 - 2020	1873 29/8/2019		616	228	228	228	
117	Nhà vệ sinh PTDT BT Tiểu học và THCS Tân Hợp		2019 - 2020	1874 29/8/2019		661	196	196	196	
118	Nhà vệ sinh trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Sang, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu		2019 - 2020	1876 29/8/2019		396	129	129	129	
119	Nhà vệ sinh Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Tà Lại		2019 - 2020	1877 29/8/2019		237	78	78	78	
120	Nhà vệ sinh trường Tiểu học và Trung học cơ sở 19/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2019 - 2020	1878 29/8/2019		205	65	65	65	
121	Nhà vệ sinh trường PTDT BT Tiểu học và THCS Chiềng Khừa, xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu; Hạng mục: Điểm trường trung tâm		2019 - 2020	1879 29/8/2019		280	89	89	89	
122	Nhà vệ sinh Trường PTDT BT Tiểu học và THCS Lóng Sập		2019 - 2020	1880		363	120	120	120	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng		
				29/8/2019						
123	Nhà vệ sinh trường tiểu học và Trung học cơ sở Tây Tiến		2019 - 2020	1882 29/8/2019		237	79	79	79	
124	Nhà vệ sinh Trường Tiểu học và THCS 14/6, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2019 - 2020	1883 29/8/2019		240	84	84	84	
125	Nhà vệ sinh trường tiểu học và Trung học cơ sở 15-10		2019 - 2020	1884 29/8/2019		235	77	77	77	
126	Nhà vệ sinh trường tiểu học Mộc Lý		2019 - 2020	1886 29/8/2019		223	72	72	72	
127	Nhà vệ sinh Trường Tiểu học và THCS Mường Sang		2019 - 2020	1887 29/8/2019		107	26	26	26	
128	Nhà vệ sinh Trường Tiểu học và THCS Chiềng Hắc		2019 - 2020	1871 29/8/2019		390	70	70	70	
129	Nhà vệ sinh Trường Trung học cơ sở Mộc Lý		2019 - 2020	1881 29/8/2019		264	49	49	49	
130	Chinh trang đô thị; hạng mục: Hè đường thị trấn Mộc Châu		2021 - 2021	1318 21/6/2019		8.153	2.088	2.088	2.088	
131	Nhà hiệu bộ + GDTT và các hạng mục phụ trợ điểm trung tâm Trường Mầm non Tân Lập		2015 - 2020	2351 30/10/2018		4.000	1.090	1.090	1.090	
132	Nhà lớp học điểm Chiềng Păn thuộc trường mầm non Chiềng Hắc		2016 - 2020	2361 30/10/2018		870	689	689	689	
133	Nhà văn hóa tiểu khu 1 (mới), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019 - 2021	1787 27/8/2018		1.448	984	984	984	
134	Nhà hiệu bộ + Nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Tân Lập		2018 - 2020	2089 09/10/2018		1.298	1.081	1.081	1.081	
135	Trường THCS Chiềng Hắc, xã Chiềng Hắc. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng		2019 - 2021	420 19/03/2018		2.362	2.030	2.030	2.030	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
136	Cấp nước sinh hoạt liên bản Nà Bó 1, Nà Bó 2, Nà Sài, Chiềng Cang, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu		2019 - 2021	2416 31/10/2018	14.965	8.434	8.434	8.434	8.434	
137	Đường Tân Lập (bản Dọi) - Trung tâm xã Tân Hợp		2018 - 2020	885 19/4/2011	52.759	11.945	11.945	11.945	11.945	
138	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tuệ Tĩnh (đường vào Bệnh viện Mộc Châu)		2020-2022	472 11/3/2020	12.780	1.899	1.899	1.899	1.899	
139	Khởi thông dòng chảy suối Ảng, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu		2017 - 2020	2377 31/10/2018	997	140	140	140	140	
140	Sa bàn trận đánh đồn Mộc lỵ		2019 - 2021	2436 25/10/2019	415	257	257	257	257	
141	Cầu dân sinh tiểu khu 1/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2019 - 2021	3570 21/12/2020	838	830	830	830	830	
142	Cầu dân sinh tiểu khu 67, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2019 - 2021	3176 29/12/2018	979	266	266	266	266	
143	Xây mới nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Phiêng Luông		2019 - 2021	2193 30/9/2019	541	222	222	222	222	
144	Xây mới nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Mường Sang		2019 - 2021	2195 30/9/2019	462	143	143	143	143	
145	Xây mới nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Tà Lại		2019 - 2021	2194 30/9/2019	532	160	160	160	160	
146	Xây mới nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Hua Păng		2019 - 2021	2192 30/9/2019	550	332	332	332	332	
147	Sửa chữa nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Tân Lập		2019 - 2021	2200 30/9/2019	99	69	69	69	69	
148	Sửa chữa nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Quy Hường		2019 - 2021	2193 30/9/2019	188	100	100	100	100	
149	Sửa chữa nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Lóng Sập		2019 - 2021	2198 30/9/2019	232	11	11	11	11	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
150	Sửa chữa nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Chiềng Khừa		2019 - 2021	2197 30/9/2019	188	158	158	158	158	
151	Sửa chữa nhà bia ghi danh liệt sỹ xã Chiềng Sơn		2019 - 2021	2196 30/9/2019	206	176	176	176	176	
152	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường Tiểu học & THCS Tân Lập		2020 - 2021	930 21/4/2020	350	42	42	42	42	
153	Di chuyển nhà làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đông Sang		2020 - 2021	998 21/4/2020	231	30	30	30	30	
154	Mua sắm thiết chế văn hóa, thể thao, trang thiết bị cho nhà văn hóa xã, bản của xã Chiềng Hắc		2019 - 2020	2398 31/10/2018	908	62	62	62	62	
155	Mua sắm thiết chế văn hóa, thể thao, trang thiết bị cho nhà văn hóa xã, bản của xã Tân Lập		2019 - 2020	162 31/7/2019	914	75	75	75	75	
156	Dự án "Khoanh định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước các công trình sinh hoạt thuộc xã, thị trấn quan lý"		2019 - 2020	2228 24/10/2018	2.573	141	141	141	141	
157	Nâng cấp, cải tạo nhà bếp ăn điểm trường tiểu khu 32 thuộc trường mầm non Hòa Mỹ		2019 - 2020	2342 30/10/2018	198	182	182	182	182	
158	Nâng cấp, cải tạo nhà bếp và một số hạng mục phụ trợ thuộc Trường Mầm non Tây Tiến		2019 - 2020	2233 26/10/2018	652	536	536	536	536	
159	Nhà bếp ăn Trường Mầm non Sơn Ca, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2020 - 2021	2585 31/10/2019	371	345	345	345	345	
160	Nhà bếp ăn điểm trung tâm Trường Mầm non Bình Minh, thị trấn Nông Trường Mộc Châu		2020 - 2021	2995 08/10/2019	512	466	466	466	466	
161	Khu chợ du lịch Mộc Châu tại Km75, triểu khu 3, huyện Mộc Châu		2020 - 2021	2589 31/10/2019	829	808	808	808	808	
162	Cầu dân sinh bản Bó Hoi, xã Quy Hương, huyện Mộc Châu		2020 - 2021	1631 29/7/2019	164	150	150	150	150	
163	Nhà văn hóa tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2010 - 2020	2506 30/10/2019	935	467	467	467	467	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
164	Nhà văn hóa bán Ta Niết, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu		2020 - 2021	2554 30/10/2019	584	286	286	286	286	
165	Trụ sở làm việc công an xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu		2020 - 2021	2552 30/10/2019	1.097	630	630	630	630	
166	Lắp đặt biển tên đường, tên phố trên địa bàn huyện Mộc Châu		2020 - 2021	983 21/4/2020	778	226	226	226	226	
167	Kè chắn sạt lở đất Trường Tiểu học và THCS Tây Tiến		2020 - 2021	1915 03/9/2019	462	37	37	37	37	
168	Hệ thống chiếu sáng trung tâm xã Tân Lập		2015 - 2020	2356 30/10/2018	787	74	74	74	74	
169	Trường mầm non Hòa Mi, thị trấn Nông trường Mộc Châu. Hạng mục: Nhà lớp học 2T4P		2020 - 2021	683 26/4/2018	2.489	49	49	49	49	
170	Nhà lớp học điểm trung tâm trường tiểu học Nà Tân, xã Tân Lập. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng		2019 2020	2393 31/10/2018	3.756	2.095	2.095	2.095	2.095	
171	Hạng mục phụ trợ Trường PTDT BT THCS Chiềng Khưa và Trường Mầm non Chiềng Khưa, huyện Mộc Châu		2015 - 2020	2551 30/10/2019	990	575	575	575	575	
172	Nhà lớp học điểm 84-85 thuộc trường Mầm non Hoa Đào. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng		2014 - 2020	2346 30/10/2018	3.397	3.245	3.245	3.245	3.245	
173	Nhà lớp học + nhà bếp ăn điểm Chiềng Đi thuộc Trường Mầm non Bình Minh, thị trấn Nông Trường Mộc Châu		2018 32,93 2020	2386 31/10/2018	1.777	1.626	1.626	1.626	1.626	
174	Nhà vệ sinh trường THCS và THPT Chiềng Sơn, Hạng mục: Nhà vệ sinh học sinh		2020 - 2021	1888 29/8/2019	195	122	122	122	122	
175	Nhà vệ sinh Trường Trung học cơ sở 8/4, thị trấn Nông Trường Mộc Châu		2020 - 2021	1885 29/8/2019	235	78	78	78	78	
176	Nhà vệ sinh Trường Tiểu học và THCS Quy Hương		2020 - 2021	1875 29/8/2019	515	114	114	114	114	
177	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Huyện ủy. Hạng mục: Mua sắm nội thất phòng họp huyện ủy		2020 - 2021	2397 31/10/2018	1.200	67	67	67	67	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn 2021 - 2025 giai đoạn điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
178	Trụ sở xã Đông Sang và các hạng mục phụ trợ		2011 - 2020	2414 31/10/2018	9.809	4.546	4.546	4.546	4.546	
179	Trụ sở làm việc công an xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu		2016 - 2020	2368 30/10/2018	1.202	985	985	985	985	
180	Trụ sở làm việc công an xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu		2020 - 2021	2366 30/10/2018	1.164	623	623	623	623	
181	Trụ sở làm việc công an xã Quy Hương, huyện Mộc Châu		2016 - 2020	2365 30/10/2018	1.217	763	763	763	763	
182	Trụ sở làm việc công an xã Đông Sang, huyện Mộc Châu		2020 - 2021	2363 30/10/2018	1.110	234	234	234	234	
183	Trụ sở làm việc công an xã Mường Sang, huyện Mộc Châu		2020 - 2021	2369 30/10/2018	1.116	590	590	590	590	
184	Trụ sở làm việc công an xã Tân Lập, huyện Mộc Châu		2020 - 2021	2364 30/10/2018	1.168	678	678	678	678	
185	Trụ sở làm việc công an xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu		2020 - 2021	2560 30/10/2019	1.109	1.025	1.025	1.025	1.025	
186	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Hợp		2020 - 2021	2561 30/10/2019	1.164	1.133	1.133	1.133	1.133	
187	Trụ sở làm việc công an xã Hua Păng, huyện Mộc Châu		2015 - 2020	2559 30/10/2019	1.100	1.028	1.028	1.028	1.028	
188	Trụ sở làm việc công an xã Tà Lại, huyện Mộc Châu		2016 - 2020	2562 30/10/2019	1.143	672	672	672	672	
189	Trung tâm bồi dưỡng Chính trị huyện Mộc Châu. Hạng mục: Nhà giảng đường 2T4P, Nhà bếp, Nhà bảo vệ, Cải tạo nhà hành chính và sân vườn		2021 - 2023	1671 15/7/2020	8.169	6.182	6.182	6.182	6.182	
190	Đường giao thông bản Áng 3, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu		2021-2023	381 05/3/2019	11.891	8.222	8.222	8.222	8.222	
191	Đường giao thông từ ngã ba Xường Bọt đi QL6, thị trấn nông		2021-2023	3254	4.113	1.748	1.748	1.748	1.748	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
	trường Mộc Châu			18/11/2020						
192	Cầu treo cụm Tà Hừa, bản Tát Ngỗng, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu		2019-2022	890 25/5/2018	2.319	257	257	257	257	
193	Cầu dân sinh Km73, tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2020 - 2022	2538 30/10/2019	926	511	511	511	511	
194	Cầu treo bản Pá Phang, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu		2021 - 2023	2594 31/10/2019	2.480	1.515	1.515	1.515	1.515	
195	Nâng cấp hệ đường thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu (Đoạn từ quán café 999 đến ngã ba đường mới)		2020 - 2022	2435 25/10/2019	12.400	7.120	7.120	7.120	7.120	
196	Khởi thông dòng chảy suối Mon thuộc bản Áng, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu		2021- 2023	971 20/4/2020	16.793	6.650	6.650	6.520	6.650	
197	Đường từ chi nhánh Agribank Mộc Châu - PGD Thảo Nguyên (QL43) đi tiểu khu Bệnh viện 1 đến ngã 4 tiểu khu Bó Bùn (QL6) - Ngã 3 tiểu khu 32 (QL43) thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019-2021	3003 09/10/2020 (ĐC)	13.800	7.700	7.700	7.700	7.700	
198	Trang thiết bị phục vụ học tập, làm việc của học sinh và giáo viên trường THCS, tiểu học và Trường Mầm non xã Chiềng Hắc		2019 - 2020	2381 31/10/2018	1.295	616	616	616	616	
199	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư và hồ sinh thái tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu		2019-2022	1462 11/8/2016	8.928	2.987	2.987	2.987	2.987	
200	Chỉnh trang đô thị khu đất bà Phạm Thị Thu, tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2020 - 2022	2025 10/9/2019	671	300	300	300	300	
201	Di chuyển hệ thống cây xanh dọc 2 bên tuyến đường vào khu du lịch Rừng thông bản Áng, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu		2022 - 2023	2545 30/10/2019	714	747	747	747	747	
202	Kè chống sạt lở khu vực sau trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu		2020 - 2022	2544 30/10/2019	762	715	715	715	715	
203	Mương thoát lũ tại vị trí Km79+330/QL43 (Khu Khách sạn Mường Thanh) đến hạ lưu suối Ang (Giao với QL6), thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019 - 2022	2407 31/10/2018	5.000	2.841	2.841	2.841	2.841	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
204	Cấp điện sinh hoạt bán Chiềng Khòng, xã Quy Hướng. Hạng mục 1: Đường dây 35Kv + trạm biến áp; Hạng mục 2: Đường dây hạ thế 0,4Kv + hệ thống công tơ		2020 - 2022	2555 30/10/2019	3.837	2.885	2.885	2.885	2.885	
205	Thủy lợi bản Co Sung, xã Đông Sang		2018-2020	2182 29/9/2017	1.483	348	348	348	348	
206	Cấp nước sinh hoạt điểm tái định cư bản Lá Mường, xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu		2019-2020	2408 31/10/2018	1.540	314	314	314	314	
207	Cấp nước sinh hoạt bản Ta Niết, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu		2019-2021	2258 26/10/2018	4.566	3.715	3.715	3.715	3.715	
208	Cấp nước sinh hoạt bản Hin Phá, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu		2019-2021	2254 26/10/2018	2.692	1.839	1.839	1.839	1.839	
209	Các hạng mục phụ trợ Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Tân Hợp		2019-2021	1265 26/6/2018	600	95	95	95	95	
210	Hệ thống chiếu sáng trung tâm xã Chiềng Sơn (G42), xã Chiềng Sơn		2019-2021	2488 30/10/2019	684	322	322	322	322	
211	Trường Mầm non Mộc Ly, hạng mục: Nhà vệ sinh điểm trường tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu		2019-2021	1176 29/5/2019	325	313	313	313	313	
212	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo Nhà văn hóa thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019-2021	1197 15/5/2020	1.075	450	450	450	450	
213	Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các điểm trường trên địa bàn xã Tân Lập		2019-2021	2370 30/10/2018	1.158	700	700	700	700	
214	Nhà văn hóa Tiểu khu 3, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu		2020-2022	2290 08/10/2019	614	568	568	568	568	
215	Nhà văn hóa bản Phát, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu		2020-2022	2287 08/10/2019	594	555	555	555	555	
216	Nhà văn hóa bản Đoàn Kết, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu		2020-2022	2528 30/10/2019	1.019	912	912	912	912	
217	Nhà văn hóa bản Nà Mường, xã Nà Mường, huyện Mộc Châu		2020-2022	2532	1.105	991	991	991	991	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
				30/10/2019						
218	Nhà văn hóa bán Dội, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu		2020-2022	986 21/4/2020	2.000	549	549	549	549	
219	Nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ bán Tà số 1, xã Chiềng Hắc		2021-2023	864 27/04/2021	1.900	1.219	1.219	1.219	1.219	
220	Nhà văn hóa tiểu khu 34, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu		2019-2021	2527 30/10/2017	607	151	151	151	151	
221	Nhà văn hóa tiểu khu 9, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu		2020-2022	1304 05/6/2020	889	475	475	475	475	
222	Nhà văn hóa tiểu khu 12, xã Tân Lập		2020-2022	985 21/4/2020	939	515	515	515	515	
223	Nhà văn hóa bán Nậm Khao, xã Tân Lập		2020-2022	1385 18/6/2020	890	74	74	74	74	
224	Nhà văn hóa tiểu khu Vườn Đào, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2020-2022	2491 30/10/2019	996	647	647	647	647	
225	Nhà văn hóa tiểu khu 68, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2020-2022	2508 30/10/2019	862	607	607	607	607	
226	Nhà văn hóa tiểu khu Mía Đường, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2020-2022	2489 30/10/2019	948	651	651	651	651	
227	Cầu bê tông đường lên điểm tái định cư Suối Cáu, xã Quy Hương, huyện Mộc Châu		2020-2022	3210 31/12/2018	1.992	78	78	78	78	
228	Nhà chờ xe tiểu khu 4, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2021 - 2023	2546 30/10/2019	196	56	56	56	56	
229	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (giai đoạn 2), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2021 - 2023	2477 29/10/2019	14.731	8.663	8.663	7.200	8.663	
230	Hạ tầng sắp xếp Khu dân cư tiểu khu Nhà Nghi - Tiểu khu 32, thị trấn Nông trường Mộc Châu; Hạng mục: Đường giao thông, điện chiếu sáng (Khu đất Hợp tác xã Thương Bình Thào Nguyên)		2021 - 2023	2501 30/10/2019	943	497	497	497	497	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024	Tổng cộng		
231	Mương thoát nước khu đất ao Bệnh viện Đa Khoa Tháo Nguyên, tiểu khu 40, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2020 - 2022	1292 30/6/2020 (ĐC)		2.645	2.099	2.099	2.099	
232	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đồn Mộc Ly, thị trấn Mộc Châu		2021 - 2023	898 06/5/2019		13.026	11.000	11.000	11.000	
233	Đường giao thông từ Quốc lộ 6 - Quốc lộ 43, tiểu khu Nhà Nghỉ, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2021 - 2023	2207 23/10/2018		50.134	37.279	37.279	37.279	
234	Lắp đặt tám nắp hệ thống rãnh thoát nước Quốc lộ 6 chân dốc 75, tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019	2523 30/10/2019		38	3	3	3	
235	Đường Quốc lộ 43 đi tiểu khu Tiên Tiến, thị trấn Nông Trường Mộc Châu		2020 - 2021	1013 11/05/2021		10.498	2.867	2.867	2.867	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					1.129.842	644.655	644.655	644.655	
1	Hệ thống điện chiếu sáng bán du lịch cộng đồng bản Tà Số: 1, 2, xã Chiềng Hắc		2021 - 2022	1795 28/7/2021		2.872	1.199	1.199	1.199	
2	Hệ thống chiếu sáng trung tâm xã Hua Păng		2022-2024	3298 15/12/2021		959	916	916	916	
3	Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nông trường Mộc Châu (Đường Lò Văn Giá; đường từ Khách sạn Trường Giang đến ngã ba Xường Bột; tuyến phố 3-2; phố Hoa Ban; đường Tiểu khu Bó Bùn; đường Agribank đi tiểu khu 3-2)		2021 - 2023	1701 28/10/2022		4.745	1.925	1.925	1.925	
4	Nâng cấp đường giao thông từ Trường tiểu học 14/6 - tiểu khu Hoa Ban - tiểu khu 64, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2022-2024	1243 08/6/2021		9.005	3.330	3.330	3.330	
5	Cầu treo bản Long Phú, xã Chiềng Hắc		2022-2024	2593 31/10/2019		2.649	1.574	1.574	1.574	
6	Đường giao thông bản Áng 3, xã Đông Sang (giai đoạn 2)		2021 - 2022	1347 18/6/2021		9.865	3.450	3.450	3.450	
7	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (Giai đoạn 4), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2021 - 2023	3294 15/12/2021		19.000	15.412	15.412	15.412	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
8	Nhà lớp học + chức năng điểm trung tâm Trường Tiểu học và THCS 14/6, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2022-2024	3195 07/12/2021		8.022	5.972	5.972	5.972	
9	Nhà bếp ăn điểm trung tâm Trường Mầm non Quy Hướng		2022-2024	2687 06/10/2021		548	514	514	514	
10	Nhà lớp học Trường Tiểu học 8/4, thị trấn Nông trường Mộc Châu; hạng mục Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng		2022-2024	1452 27/7/2023		7.312	4.955	4.955	4.955	
11	Trường THCS Mộc Lỵ; Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng		2022 -2024	2113 27/12/2022		9.995	4.995	4.995	4.995	
12	Trường TH&THCS Tà Lài; hạng mục: Nhà Hiệu bộ; Nhà bảo vệ + Nhà vệ sinh + Sửa chữa nền nhà lớp học 2 dãy nhà 2T6P học + phụ trợ		2023 -2025	2419 15/9/2021		2.800	1.150	1.150	1.150	
13	Nước sinh hoạt liên bản Tân Thuật - Long Phú, xã Chiềng Hắc		2022 -2024	2659 15/9/2018		3.000	1.500	1.500	1.500	
14	Nhà văn hóa bản Tân Ca, xã Nà Mường		2022 -2024	1849 30/7/2021		1.200	837	837	837	
15	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa bản: Trai Tôn, Trai Sơn		2022 -2024	1860 30/7/2021		480	180	180	180	
16	Chỉnh trang đô thị: Hạng mục: Hệ thống kẻ suối Ang đoạn qua tiểu khu Nhà nghỉ, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2021 - 2023	859 25/4/2021		13.740	2.450	2.450	2.450	
17	Nước sinh hoạt liên xã Tà Lài, Nà Mường, huyện Mộc Châu		2022 -2024	309 01/03/2022		25.000	8.809	8.809	8.809	
18	Cải tạo tuyến đường từ ngã ba QL43 đến bản Lùn, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2021 -2023	1150 28/5/2021		18.513	7.802	7.802	7.802	
19	Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn NTMC		2021 -2023	NQ 276 12/5/2021		95.000	7.000	-	7.000	
20	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2021 -2023	2887 24/11/2021		180.000	50.000	26.079	50.000	
21	Cải tạo, nâng cấp trụ sở HĐND - UBND huyện Mộc Châu		2021 - 2023	100/NQ- HĐND		7.900	7.400	5.796	7.400	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
				27/2/2023						
22	Cấp nước sinh hoạt bản Pa Phách 1, Pa Phách 2, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu		2021 - 2023	2927 03/11/2021	2.000	704	704	704	704	
23	Tiểu công viên đỉnh dốc Công ty Sữa, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2020 - 2022	3291 23/11/2020	2.845	2.640	2.640	2.640	2.640	
24	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (Giai đoạn 3), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2021 - 2023	372 09/2/2021	6.493	6.493	6.493	5.537	6.493	
25	Di chuyển cầu sắt bản Ông Lý (cầu qua suối Đơn đoạn qua đường liên xã Mường Sang - Chiềng Khừa) đến bản Cang, xã Chiềng Khừa		2021 - 2023	898 28/4/2021	300	300	300	300	300	
26	Khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của mưa lũ trên địa bàn xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu, hạng mục: Xây mới 01 Cầu treo và hệ thống kê bảo vệ tại bản Phách, xã Chiềng Khừa		2021 - 2023	1872 30/7/2021	2.432	1.315	1.315	1.315	1.315	
27	Hạ tầng cụm công nghiệp Mộc Châu; hạng mục: đường nội bộ, tường rào		2021 - 2023	2108 20/9/2019	10.953	10.800	10.800	7.068	10.800	
28	Hạ tầng khu đầu giá tiểu khu 3-2, TTNTMC		2021 - 2023	2397 14/9/2021 (đ/c)	14.693	12.113	12.113	9.097	12.113	
29	Nâng cấp hệ thống điện sinh hoạt tại các bản: Búa, Áng, Tự nhiên, xã Đông Sang		2021 - 2023	3521 31/12/2021	494	460	460	460	460	
30	Điện khu Suối Mùng, bản C5, xã Tà Lài		2021 - 2023	3316 12/12/2021	491	467	467	467	467	
31	Hạ tầng bến xe khách huyện Mộc Châu và khu dân cư lân cận		2021 - 2023	1215 15/8/2021	25.000	23.277	23.277	16.043	23.277	
32	Điện chiếu sáng trên địa bàn xã Mường Sang; Trục đường Quốc lộ 43 + đường Mường Sang - Chiềng Khừa		2021 - 2023	407 15/3/2023	4.007	3.670	3.670	3.670	3.670	
33	Hạ tầng khu dân cư tiểu khu 66, thị trấn NTMC		2021 - 2023	2413 15/9/2021	1.000	878	878	878	878	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
34	Hệ thống điện sinh hoạt và điện chiếu sáng các tuyến đường nội thị khu trung tâm hành chính mới		2021 - 2023	3297 15/12/2021	7.998	5.114	5.114	5.114	5.114	
35	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghĩa trang Vườn Hồng, thị trấn NTMC		2021 - 2023	3296 15/12/2021	1.691	1.189	1.189	1.189	1.189	
36	Trường Tiểu học & THCS 15/10; hạng mục: nhà lớp học+bộ môn 2 tầng 6 phòng, các hạng mục phụ trợ		2021 - 2023	3319 15/12/2021	3.621	2.000	2.000	2.000	2.000	
37	Nhà hiệu bộ + bếp ăn 1 chiều Trường Mầm non Hua Păng		2021 - 2023	3312 15/12/2021	1.332	1.241	1.241	1.241	1.241	
38	Nhà lớp học điểm Pa Khen 1 thuộc trường TH&THCS 19/5, TTNITMC; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng		2021 - 2023	3301 15/12/2021	3.393	2.946	2.946	2.946	2.946	
39	Nhà vệ sinh Trường PTDT BT TH&THCS Tân Hợp (điểm bản Sam Kha, Bó Liều, Cà Đạc, Lũng Mú, Suối Sáy)		2021 - 2023	2563 30/10/2019	609	468	468	468	468	
40	Nhà lớp học Trường PTDT BT TH&THCS Lóng Sập, hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng		2021 - 2023	3321 15/12/2021	5.431	5.198	5.198	5.198	5.198	
41	Nhà bán trú cho học sinh điểm trường Trung Tâm Trường PTDTBT TH&THCS Tân Hợp		2021 - 2023	2417 15/9/2021	700	515	515	515	515	
42	Nhà lớp học Trường THCS 8/4; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng; cải tạo nhà lớp học 2T8P cũ		2021 - 2023	2820 22/10/2021	7.312	5.576	5.576	5.576	5.576	
43	Nhà lớp học điểm Tà Phênh 1 Trường Mầm non Tân Lập; hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 1 phòng		2021 - 2023	2324 07/9/2021	950	895	895	895	895	
44	Nhà lớp học Trường TH&THCS 19/5; hạng mục nhà lớp học 2 tầng 6 phòng		2021 - 2023	3320 15/12/2021	3.600	2.100	2.100	2.100	2.100	
45	Nhà lớp học điểm trường Tà Sỏi, Trường MN Chiềng Hắc; hạng mục: Nhà lớp học 1 tầng 2 phòng		2021 - 2023	3223 15/12/2021	1.789	1.684	1.684	1.684	1.684	
46	Nhà đa năng Trường tiểu học 8/4, thị trấn NTMC		2021 - 2023	1343 18/6/2021	1.000	600	600	600	600	
47	Nhà văn hóa bản Nà Bó 1, xã Hua Păng		2021 - 2023	295 01/3/2018	650	575	575	575	575	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
48	Nhà văn hóa bán Nà Bó 2, xã Hua Păng		2021 - 2023	1357 18/6/2021 Đ/c	651	209	209	209	209	
49	Hỗ trợ bán du lịch cộng đồng bản Dơi, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu; Hạng mục: Sân thể thao, bãi đỗ xe, hệ thống thoát nước, vệ sinh môi trường, cây xanh		2021 - 2023	609 25/03/2021	1.373	1.287	1.287	1.287	1.287	
50	Xây dựng công trình hỗ trợ bán du lịch cộng đồng bản Dơi, xã Tân Lập, huyện Mộc Châu. Hạng mục: hệ thống điện chiếu sáng, công cháo, nhà vệ sinh		2021 - 2023	1194 4/6/2021	723	723	723	723	723	
51	Phụ trợ nhà văn hóa xã Hua Păng		2021 - 2023	2418 15/9/2021	400	375	375	375	375	
52	Nhà văn hóa Bán Suối Giảng 2, xã Quy Hường		2021 - 2023	1855 30/7/2021	1.000	941	941	941	941	
53	Nhà Văn hóa Bản Lùn, xã Mường Sang		2021 - 2023	1129 27/5/2021	1.171	738	738	738	738	
54	Xây dựng đường lên và sửa chữa trận địa phòng không 12,7 ly huyện Mộc Châu		2021 - 2023	2789 15/9/2020	324	324	324	324	324	
55	San ủi tạo mặt bằng khu quy hoạch sân vận động gắn với chống ngập úng khu vực trụ sở xã Hua Păng		2021 - 2023	1353 18/6/2021	177	165	165	165	165	
56	Hệ thống thoát nước, kè chống sạt lở, tường rào khu vực nhà văn hóa xã Mường Sang		2021 - 2023	1154 28/5/2021	661	567	567	567	567	
57	Hệ thống thoát ngập TTGDLD cũ đến Vườn hoa Nhiệt Đới		2021 - 2023	2276 01/9/2021	1.158	678	678	678	678	
58	Nâng cấp, cải tạo công trình nước sinh hoạt bản Càng Ty, xã Chiềng Khưa		2021 - 2023	1441 23/6/2021	2.100	720	720	720	720	
59	Nước sinh hoạt bản Nà, xã Tân Lập		2021 - 2023	1358 18/6/2021	855	793	793	793	793	
60	Nước sinh hoạt bản Bốc Pát, xã Lóng Sập		2021 - 2023	3327	800	743	743	743	743	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
				15/12/2021						
61	Nước sinh hoạt bản Pha Luông, xã Chiềng Sơn		2021 - 2023	1869 30/7/2021	1.500	1.439	1.439	1.439	1.439	
62	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở huyện ủy Mộc Châu		2021 - 2023	1357 28/6/2018	1.000	936	936	936	936	
63	Cải tạo Hội trường trung tâm hành chính mới huyện Mộc Châu		2021 - 2023	1447 24/6/2020	563	517	517	517	517	
64	Nhà văn hóa tiểu khu 40, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2021 - 2023	1342 18/6/2021	1.741	1.171	1.171	1.171	1.171	
65	Nhà văn hóa tiểu khu Cấp III, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2021 - 2023	2277 2/10/2019	1.500	1.050	1.050	1.050	1.050	
66	Nhà văn hóa tiểu khu Bó Bun, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2021 - 2023	1336 18/6/2021	1.444	1.076	1.076	1.076	1.076	
67	Nhà văn hóa tiểu khu 84/85, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2021 - 2023	1337 18/6/2021	1.498	1.164	1.164	1.164	1.164	
68	Nhà văn hóa tiểu khu Bản Ôn, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2021 - 2023	896 28/4/2021	1.500	1.143	1.143	1.143	1.143	
69	Nhà văn hóa tiểu khu Chè Đen 1, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2021 - 2023	892 28/4/2021	1.500	1.133	1.133	1.133	1.133	
70	Sửa chữa, cải tạo Nhà văn hóa tiểu khu: Cờ Đỏ, Nhà Nghi, Cơ Quan, Khí tượng		2021 - 2023	1341 18/6/2021	1.500	899	899	899	899	
71	Hệ thống tắm đạn rãnh thoát nước đô thị trên địa bàn 02 thị trấn		2021 - 2023	2868 28/10/2021	3.481	505	505	505	505	
72	Nhà văn hóa tiểu khu 19/5, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2021 - 2023	2250 30/10/2019	1.572	1.226	1.226	1.226	1.226	
73	Hạ tầng nghĩa trang xã Chiềng Sơn		2022 - 2024	2501 10/9/2024	4.350	4.350	4.350	1.043	4.350	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
74	Xây dựng bể bơi trường PTDT nội trú THCS&THPT huyện Mộc Châu		2022 - 2024	846 16/6/2022	1.300	576	576	576	576	
75	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu		2022 - 2024	1742 31/10/2022	14.183	14.183	14.183	2.807	14.183	
76	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2022 - 2024	1743 31/10/2022	23.900	14.600	14.600	9.306	14.600	
77	Đầu tư hạ tầng khu tái định cư khu tái định cư tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu		2022 - 2024	1814 10/11/2022	21.275	19.488	19.488	6.439	19.488	
78	Điện chiếu sáng đô thị đáp ứng tiêu chí thành lập thị xã Mộc Châu		2023 - 2025	927 10/4/2024	14.974	11.558	11.558	9.000	11.558	
79	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu; hạng mục: Điện trang trí đô thị		2022 - 2024	2713 22/10/2024 (đc)	18.846	14.005	14.005	11.005	14.005	
80	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu, Hạng mục: Cây xanh		2023 - 2025	985 13/6/2023	12.083	11.100	11.100	5.244	11.100	
81	Kè chống sạt lở phía sau trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Nà Mường, huyện Mộc Châu		2023 - 2025	241 24/2/2023	1.500	1.374	1.374	1.374	1.374	
82	Nhà làm việc và các công trình phụ trợ cho tiểu đội dân quân trưởng trực luân phiên xã Lóng Sập		2021 - 2023	1843 30/7/2021	2.900	2.864	2.864	2.864	2.864	
83	Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Lóng Sập		2023 - 2025	697 28/4/2023	1.750	1.635	1.635	1.616	1.635	
84	Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Chiềng Sơn		2023 - 2025	696 28/4/2023	1.610	1.460	1.460	1.412	1.460	
85	Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Mường Sang		2023 - 2025	698 28/4/2023	1.600	1.205	1.205	1.184	1.205	
86	Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Phiêng Luông		2023 - 2025	699 28/4/2023	1.700	1.619	1.619	1.589	1.619	
87	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng trụ sở Đảng ủy, HĐND-		2023 - 2025	361	987	930	930	900	930	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng		
	UBND xã Nà Mường (cũ) thành Trụ sở làm việc công an xã Nà Mường, huyện Mộc Châu			13/3/2023						
88	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc Trạm phát sóng FM truyền hình Mộc Châu		2023 - 2025	702 28/4/2023		500	370	370	370	370
89	Xây dựng các nhà vệ sinh tại các khu cách ly tập trung phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn xã Hua Păng		2021 - 2022	2878 29/10/2021		295	295	295	295	295
90	Xây dựng các nhà vệ sinh tại các khu cách ly tập trung phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn xã Tân Lập		2021 - 2022	2879 29/10/2021		269	269	269	269	269
91	Xây dựng các nhà vệ sinh tại các khu cách ly tập trung phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn xã Tà Lại		2021 - 2022	2880 29/10/2021		267	267	267	267	267
92	Xây dựng các nhà vệ sinh tại các khu cách ly tập trung phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn xã Lóng Sập		2021 - 2022	2881 29/10/2021		220	220	220	220	220
93	Xây dựng các nhà vệ sinh tại các khu cách ly tập trung phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn thị trấn Nông trường Mộc Châu		2021 - 2022	2882 29/10/2021		176	176	176	176	176
94	Xây dựng các nhà vệ sinh tại các khu cách ly tập trung phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn xã Chiềng Hắc		2021 - 2022	2883 29/10/2021		220	220	220	220	220
95	Xây dựng các nhà vệ sinh tại các khu cách ly tập trung phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn xã Đông Sang		2021 - 2022	2884 29/10/2021		192	192	192	192	192
96	Xây dựng các nhà vệ sinh tại các khu cách ly tập trung phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn xã Quý Hương		2021 - 2022	2885 29/10/2021		213	213	213	213	213
97	Xây dựng các nhà vệ sinh tại các khu cách ly tập trung phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn xã Phiêng Luông		2021 - 2022	2886 29/10/2021		190	190	190	190	190
98	Đầu tư xây dựng hạ tầng và san nền khu đất đầu giá Khu trung tâm hành chính (lô đất ODB-16; ODB-17 cạnh Trung tâm Y tế huyện), tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu		2024- 2026	632 15/3/2024		35.000	33.750	33.750	5.817	33.750
99	Đầu tư xây dựng hạ tầng và san nền khu đất đầu giá Khu trung		2024- 2026	633		41.000	39.800	39.800		39.800

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
						Trong đó: Ngân sách huyện				
	tám hành chính (tổ đất SKC-05, SKC-06, ODB-26, ODB-27 khu dân cư và thương mại cạnh Trung tâm tổ chức sự kiện 389), tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu			15/3/2024						
100	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và san nền khu dân cư tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu (khu đất hợp tác xã Hợp Nhất)		2024- 2026	2712 22/10/2024		24.000	23.300	5.960	23.300	
101	Nhà tang lễ huyện Mộc Châu		2024- 2026	634 15/3/2024		6.500	6.228	6.228	6.228	
102	Xây dựng đảm bảo cơ sở vật chất các trường học năm 2024		2024- 2026	635 15/3/2024		2.300	2.045	1.699	2.045	
103	Mương thoát nước tại thương lưu Cống Ông Sờ, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2024- 2026	3671 18/12/2023		4.000	2.800	1.095	2.800	
104	Nhà văn hóa tiểu khu Pa Khen, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2024- 2026	636 15/3/2024		2.100	2.075	2.075	2.075	
105	Nhà văn hóa tiểu khu 2, thị trấn Mộc Châu		2024- 2026	713 25/3/2024		2.900	1.800	270	1.800	
106	Thủy lợi bản Pha Nhên, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu			954 29/6/2022		845	309	309	309	
107	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt bản A Lá, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu			955 29/6/2022		2.500	1.009	1.009	1.009	
108	Lập Tổng mặt bằng khu dân cư tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu			505 05/3/2024		428	428	200	428	
109	Lập Tổng mặt bằng khu đất OT120, OT121 thuộc quy hoạch phân khu bảo tồn hệ sinh thái nông nghiệp đặc trưng huyện Mộc Châu			506 05/3/2024		165	165	100	165	
110	Đầu tư hạ tầng Khu đất đầu giá đường QL6 vào Thào Nguyên, Thị trấn Nông trường Mộc Châu		2024 - 2026	2820 07/11/2024		29.000	22.862	8.362	22.862	
111	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đầu giá trung tâm hành chính mới; hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt		2024-2026	2565 25/9/2024		30.000	24.181	5.912	24.181	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
112	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến TL104 từ tiểu khu Cờ Đỏ đi Pa Khen III (đến ngã ba vào Nà Ka), thị trấn Nông trường Mộc Châu		2024-2026	2556 25/9/2024	7.213	3.446	3.446	1.646	3.446	
113	Chính trang hệ đường tuyến đường 20/11, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2024-2026	2556 25/9/2024	6.700	3.500	3.500	1.500	3.500	
114	Hệ thống điện chiếu sáng đô thị tuyến QL43 từ ngã ba 64 đến bản Suối Khe, xã Phiêng Luông		2024-2026	2567 25/9/2024	3.478	1.000	1.000	150	1.000	
115	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến QL43 từ thác Dải Yếm đến bản Thái Hưng, xã Mường Sang		2024-2026	2568 25/9/2024	993	897	897	597	897	
116	Cầu bê tông qua suối Tà Lại đi bản C5, tháng 5 đến xã Tân Lập, huyện Mộc Châu		2024-2026	2570 25/9/2024	4.263	1.600	1.600	800	1.600	
117	Trường PTDT BT TH&THCS Chiềng Khừa; Hạng mục: Nhà lớp học 2T4P		2024-2026	2571 25/9/2024	3.200	1.600	1.600	1.600	1.600	
118	Đường giao thông liên bản Bốc Pát - Bản Phiêng Cài, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu		2024-2026	3127 13/12/2024	4.990	600	600	-	600	
119	Cải tạo, sửa chữa Chợ Km70, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2024-2025	2777 31/10/2024	1.370	1.370	1.370	70	1.370	
120	Đường giao thông từ bản Suối Xáy đến trung tâm xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu		2024 - 2025	291/NQ- HĐND ngày 31/01/2024	14.900	6.900	6.900	1.000	6.900	
121	Đường giao thông từ bản Nà Giàng, xã Quy Hương đến bản Bó, xã Suối Bàng		2024 - 2025	347 23/2/2024	12.500	4.500	4.500	200	4.500	
122	Đường giao thông liên bản Phách - Bản Trọng, xã Chiềng Khừa		2022 - 2024	1380 31/8/2022	6.000	800	800	800	800	
123	Đường giao thông liên bản Ông Lý-Xa Lú, xã Chiềng Khừa		2023- 2025	2005 15/12/2022	5.500	1.450	1.450	1.450	1.450	
124	Nâng cấp Trường PTDT BT TH&THCS xã Chiềng Khừa		2023- 2025	526 04/4/2023	6.000	436	436	436	436	
125	Đường giao thông liên bản Tháng 5 - Bản Nông Cút xã Tà Lại		2022 - 2024	1371	2.000	327	327	327	327	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
				31/8/2022						
126	Đường giao thông nội bản TĐC Suối Tón, xã Tà Lại		2022 - 2024	1384 31/8/2022	3.000	100	100	100	100	
127	Đường giao thông từ bản Nà Cạn, xã Tà Lại - bản Tầm Phế, xã Tân Hợp		2023 - 2025	2004 15/12/2022	10.660	2.650	2.650	2.650	2.650	
128	Đường giao thông từ bản Nà Sánh đến bản Sao Tua xã Tân Hợp		2022 - 2024	1381 31/8/2022	10.000	2.000	2.000	2.000	2.000	
129	Nhà hiệu bộ Trường PTDT BT TH&THCS Tân Hợp		2021-2023	1387 31/8/2022	1.500	200	200	200	200	
130	Nhà văn hóa xã Tân Hợp		2022 - 2024	1383 31/8/2022	2.800	200	200	200	200	
131	Nhà văn hóa bản Sao Tua, xã Tân Hợp		2023 - 2025	2119 28/12/2022	1.653	310	310	310	310	
132	Nhà văn hóa bản Nà Mường, xã Tân Hợp		2022 - 2024	1370 31/8/2022	1.500	250	250	250	250	
133	Nhà văn hóa Bản Nà Giảng 2 xã Quy Hường		2023 - 2025	2014 15/12/2022	2.000	500	500	397	500	
134	Dự án điện nông thôn trên địa bàn huyện Mộc Châu ("Trên địa bàn các xã:Chiềng Sơn, Mường Sang, Nà Mường, Tà Lại, Tân Lập, Tân Hợp)		2023 - 2025	497 29/3/2023	15.290	8.820	8.820	8.820	8.820	
135	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Lũng Mũ, Bó Liều, Tầm Phế, xã Tân Hợp.		2024 - 2026	642 15/3/2024	9.900	4.286	4.286	1.394	4.286	
136	Cải tạo, sửa chữa Nhà tiếp dân UBND huyện Mộc Châu		2024 - 2026	3116 13/12/2024	330	300	300	300	300	
137	Sửa chữa, cải tạo Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả+Phòng GD&ĐT+Văn phòng đăng ký đất đai		2024 - 2026	3117 13/12/2024	830	635	635	635	635	
138	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc trụ sở Đảng ủy - HĐND-UBND thị trấn Mộc Châu (cũ tiêu khu 6)		2024 - 2026	3118 13/12/2024	830	795	795	795	795	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
139	Sửa chữa nhà làm việc Trung tâm Truyền thông Văn hóa huyện (cũ), tiểu khu 6, thị trấn Mộc Châu		2024 - 2026	3119 13/12/2024	520	435	435	435	435	
140	Sửa chữa, cải tạo Nhà lớp học 2T6P của Trường TH&THCS 19/5, Tiểu khu Cờ Đỏ, thị trấn Nông trường Mộc Châu		2024 - 2026	3120 13/12/2024	1.130	1.112	1.112	1.112	1.112	
141	Sửa chữa, cải tạo Nhà văn hóa tiểu khu Pa Khen cũ, TTNT Mộc Châu		2024 - 2026	3121 13/12/2024	800	707	707	707	707	
142	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc cũ của BQL khu du lịch quốc gia Mộc Châu, Tiểu khu Bó Bùn		2024 - 2026	3122 13/12/2024	750	725	725	725	725	
143	Sửa chữa, cải tạo Nhà hiệu bộ, nhà thư viện cũ của Trường THPT Tháo Nguyên, tiểu khu cấp 3, thị trấn NT Mộc Châu		2024 - 2026	3123 13/12/2024	810	734	734	734	734	
144	Trang trí đô thị Chào mừng Thành lập thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2024 - 2026	3125 13/12/2024	1.200	614	614	614	614	
145	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt liên bản, xã Mường Sang		2024-2026	1827 05/7/2024	2.000	91	91	91	91	
146	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt liên bản, xã Đông Sang		2024-2026	1828 05/7/2024	2.000	107	107	107	107	
147	Hạ tầng sắp xếp Khu dân cư tiểu khu Nhà Nghi, thị trấn Nông Trường Mộc Châu; Hạng mục: Hạ tầng + vườn hoa công viên		2023-2025	1554 18/7/2019	14.901	839	839	839	839	
148	Quy hoạch chi tiết rút gọn (tổng mặt bằng) Hạng mục phụ trợ trung tâm hành chính phường Mộc Lý		2024-2025	3022 03/12/2024	309	309	309	-	309	
149	Tổng mặt bằng khu tái định cư thuộc Bản Muống, xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu		2024-2025	504 05/3/2024	325	324	324	-	324	
150	Tổng mặt bằng khu tái định cư thuộc Tiểu khu 1/5, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (Phía bên trái tuyến đường QL.43 hướng Vạn Yên - Mộc Châu) - Khu 01, thuộc tiểu khu 1/5		2024-2025	502 05/3/2024	292	292	292	-	292	
151	Tổng mặt bằng khu tái định cư thuộc Tiểu khu Tháo Nguyên, thị trấn Nông Trường Mộc Châu (Phía bên phải tuyến đường QL.43 hướng Vạn Yên - Mộc Châu) - Khu 02, thuộc tiểu khu Tháo Nguyên		2024-2025	503 05/3/2024	259	259	259	-	259	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
152	Tổng mặt bằng khu dân cư tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2024-2025	505 05/3/2024	428	428	428	428	428	
153	Tổng mặt bằng khu đất OT120, OT121 thuộc quy hoạch phân khu bảo tồn hệ sinh thái nông nghiệp đặc trưng huyện Mộc Châu		2024-2025	506 05/3/2024	165	165	165	165	165	
154	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ điểm trường Pa Khen I, trường Tiểu học và THCS 19/5		2025 - 2026	07 07/02/2025	1.100	1.047	1.047	247	1.047	
155	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học điểm trường Mía Đường Trường Tiểu học và THCS 19/5		2025 - 2026	08 07/02/2025	670	602	602	102	602	
156	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ban chỉ huy quân sự và Trung tâm học tập cộng đồng xã Tân Lập, huyện Mộc Châu		2025 - 2026	9 07/02/2025	865	782	782	182	782	
157	Sửa chữa nhà ở học viên, nhà bếp và nhà khách Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Mộc Châu		2025 - 2026	10 07/02/2025	750	732	732	232	732	
158	Sửa chữa, cải tạo nhà lớp học điểm trường Nà mường 2 trường TH&THCS Nà mường		2025 - 2026	11 07/02/2025	280	278	278	78	278	
159	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã Chiềng Sơn thuộc Công an huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2025-2026	109 06/11/2023	4.249	1.000	1.000	-	1.000	
160	Xử lý khắc phục sạt lở do thiên tai khu vực trung tâm xã Quy Hương, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La		2023-2025	1896 25/9/2023	17.287	4.851	4.851	-	4.851	
161	Lập kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất		2021 -2025		4.185	4.185	4.185	4.185	4.185	
162	Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư; giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án		2021 -2025		34.133	34.133	34.133	34.133	34.133	
163	Hỗ trợ làm đường GTNT		2021 -2025		31.215	31.215	31.215	29.215	31.215	
D	NGUỒN KINH PHÍ NÂNG CẤP ĐÓ THỊ THỊ XÃ MỘC CHÂU				33.879	36.500	36.500	31.500	36.500	
I	Giao thông				24.297	10.835	10.835	10.835	10.835	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				24.297	7.022	7.022	7.022	7.022	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 giai đoạn điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
1	Đường từ chi nhánh AgriBank Mộc Châu - PGD Thảo Nguyên (QL43) đi tiểu khu Bệnh viện 1 đến ngã 4 tiểu khu Bó Bun (QL6) - Ngã 3 tiểu khu 32 (QL43) thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2019-2021	3003 09/10/2020 (ĐC)	13.800	997	997	997	997	
2	Đường Quốc lộ 43 đi tiểu khu Tiền Tiến, thị trấn Nông Trường Mộc Châu		2020 - 2021	1013 11/05/2021	10.498	6.025	6.025	6.025	6.025	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					3.813	3.813	3.813	3.813	
1	Nâng cấp đường giao thông từ Trường tiểu học 14/6 - tiểu khu Hoa Ban - tiểu khu 64, thị trấn Nông trường Mộc Châu					2.290	2.290	2.290	2.290	
2	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (Giai đoạn 4), thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La					500	500	500	500	
6	Hạ tầng bến xe khách huyện Mộc Châu và khu dân cư lân cận					1.022	1.022	1.022	1.022	
II	Công trình công cộng tại các đô thị				3.530	7.426	7.426	5.376	7.426	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				2.034	1.378	1.378	1.378	1.378	
1	Điện chiếu sáng đô thị: Đoạn từ Nghĩa trang tiểu khu 10 đến ngã ba bản Môn (tuyến phố Bình Minh) và đoạn từ nhà Thương Hiền đến đường vào rừng Thông (bản Áng), thị trấn Mộc Châu		2020	988 21/4/2020	804	203	203	203	203	
2	Chinh trang đô thị: Công chào trang trí đô thị, đèn cao áp khu vực quảng trường 8/5. Hạng mục: Lắp dựng bùng binh ngã ba đường mới và đèn cao áp khu vực Quảng trường 8/5		2020 - 2021	989 21/4/2020	763	729	729	729	729	
3	Chinh trang đô thị: Công chào trang trí đô thị, đèn cao áp khu vực quảng trường 8/5. Hạng mục: Công chào khu vực công Khách sạn Sao Xanh		2020 - 2021	990 21/4/2020	467	446	446	446	446	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				1.496	6.048	6.048	3.998	6.048	
1	Chinh trang đô thị Mộc Châu; hạng mục: Điện trang trí đô thị					2.730	2.730	1.180	2.730	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
2	Chỉnh trang đô thị Mộc Châu, Hạng mục: Cây xanh						2.000	2.000	2.000	
3	Chỉnh trang đô thị phục vụ Tết nguyên đán Tân Sửu năm 2021			309 01/2/2021		196	183	183	183	
4	Hệ thống đèn tín hiệu giao thông ngã tư chợ Báo Tàng			3240 10/12/2021		800	635	635	635	
5	Chỉnh trang hệ đường tuyến đường 20/11, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu		2024-2026	2556 25/9/2024		500	500	-	500	
III	Công nghiệp, điện					6.052	8.651	7.501	8.651	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025					6.052	626	626	626	
1	Di chuyển 02 tuyến đường dây trung thế tại TTHC mới		2012 - 2019	3200 31/12/2019		6.052	626	626	626	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					-	8.024	6.874	8.024	
1	Hệ thống điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn thị trấn Nông trường Mộc Châu (Đường Lò Văn Giá; đường từ Khách sạn Trường Giang đến ngã ba Xường Bót; tuyến phố 3-2; phố Hoa Ban; đường Tiểu khu Bó Bùn; đường Agribank đi tiểu khu 3-2)						1.500	1.500	1.500	
2	Hệ thống điện sinh hoạt và điện chiếu sáng các tuyến đường nội thị khu trung tâm hành chính mới						2.724,41	2.724,41	2.724,41	
3	Điện chiếu sáng đô thị đáp ứng tiêu chí thành lập thị xã Mộc Châu						3.000,00	2650	3.000,00	
4	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến TL104 từ tiểu khu Cờ Đỏ đi Pa Khen III (đến ngã ba vào Nà Ka), thị trấn Nông trường Mộc Châu		2024-2026	2556 25/9/2024			800,00		800,00	
IV	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					-	2.106	2.106	2.106	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025					-	2.106	2.106	2.106	
1	Nhà lớp học Trường Tiểu học 8/4, thị trấn Nông trường Mộc						1.106	1.106	1.106	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
	Châu; hạng mục Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng									
2	Trường THCS Mộc Ly; Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng					1.000	1.000,00	1.000,00	1.000,00	
V	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				-	4.683	4.683	4.683	4.683	
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				-	4.683	4.683	4.683	4.683	
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng nghĩa trang Vườn Hồng, thị trấn NTMC					400	400	400	400	
2	Trường Tiểu học & THCS 15/10; hạng mục: nhà lớp học+bộ môn 2 tầng 6 phòng, các hạng mục phụ trợ					1.361	1.361	1.361	1.361	
3	Nhà lớp học điểm Pa Khen 1 thuộc trường TH&THCS 19/5, TTNTMC; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng					396	396	396	396	
4	Nhà lớp học Trường THCS 8/4; hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng; cải tạo nhà lớp học 2T8P cũ					1.247	1.247	1.247	1.247	
5	Nhà lớp học Trường TH&THCS 19/5; hạng mục nhà lớp học 2 tầng 6 phòng					1.279	1.279	1.279	1.279	
VI	Lĩnh vực khác					2.800	2.800	1.000	2.800	
(1)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					2.800	2.800	1.000	2.800	
1	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông trường Mộc Châu					1.000	1.000	1.000	1.000	
2	Đầu tư hạ tầng Khu đất đầu giá đường QL6 vào Tháo Nguyên, Thị trấn Nông trường Mộc Châu			2024 - 2026	2820 07/11/2024	1.000	1.000	-	1.000	
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đầu giá trung tâm hành chính mới; hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt			2024-2026	2565 25/9/2024	800	800	-	800	
E	TĂNG THU NGÂN SÁCH NĂM 2024					5.700	5.700	-	5.700	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025					5.700	5.700	-	5.700	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thị xã giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
1	Hạ tầng khu đầu giá tiểu khu 3-2, TTNTMC					2.000	2.000		2.000	
2	Đầu tư hạ tầng Khu tái định cư tiểu khu 70, thị trấn Nông trường Mộc Châu					2.300	2.300		2.300	
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng khu đầu giá trung tâm hành chính mới; hạng mục: Hệ thống điện và hệ thống cấp nước sinh hoạt					400	400		400	
4	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Lũng Mũ, Bó Liều, Tầm Phế, xã Tân Hợp.					1.000	1.000		1.000	

Biểu số 02.4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN PHÙ YÊN

QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 526/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú	
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
	TỔNG SỐ				1.013.264	315.269	313.993	258.515	313.993		
A	NGUỒN BỔ SUNG CÁN ĐỐI HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG				26.400	14.720	14.780	12.880	14.780	14.780	
I	Văn hóa, thông tin				25.770	14.720	14.392	12.880	14.392	14.392	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				25.770	14.720	14.392	12.880	14.392	14.392	
1	Nhà văn hóa bản Puối 2	Xã Huy Tân	2022-2023	1411 18/8/2022	1.000	200	305	305	305	305	
2	Nhà văn hóa bản Cù 1	Xã Huy Tân	2022-2023	1412 18/8/2022	1.000	200	200	200	200	200	
3	Nhà văn hóa bản Cù 2	Xã Huy Tân	2022-2023	1413 18/8/2022	1.000	200	200	200	200	200	

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
4	Nhà văn hóa bản Kim Phong	Xã Huy Tân	2022-2023	1414 18/8/2022	1.100	250	250	250	250	
5	Nhà văn hóa bản Ban	Xã Huy Thượng	2022-2023	1415 18/8/2022	1.100	200	200	200	200	
6	Nhà văn hóa bản núi hồng	Xã Huy Thượng	2022-2023	1416 18/8/2022	1.050	200	200	200	200	
7	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường TH&THCS Tường Phù	Xã Tường Phù	2022-2023	1436 19/8/2022	4.500	1.460	1.355	1.355	1.355	
8	Nhà văn hoá bản Nghĩa Hưng	Xã Mường Cơi	2022-2023	1441 19/8/2022	1.100	250	250	250	250	
9	Nhà lớp học trường Tiểu học và THCS Huy Bắc	Xã Huy Bắc	2023-2025	2277 QĐ-UBND 15/12/2022	4.000	3.600	3.523	3.523	3.523	
10	Nhà lớp học trường Tiểu học Quang Huy	Xã Quang Huy	2023-2025	2278 QĐ-UBND 15/12/2022	6.100	5.430	5.179	5.179	5.179	
11	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 03 nhà Văn hoá bản tại xã Mường Thái	Xã Mường Thái	2024-2025	264 NQ-HĐND 13/11/2024	1.200	1.175	1.175	375	1.175	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
12	Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 02 Nhà Văn hoá bán tại xã Huy Tường	Xã Huy Tường	2024-2025	264 NQ-HĐND 13/11/2024	550	539	539	250	539	
13	Dự án Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 02 Nhà Văn hoá bán + Cổng Chảo bán tại xã Mường Cơi	Xã Mường Cơi	2024-2025	264 NQ-HĐND 13/11/2024	470	423	423	200	423	
14	Xây mới Nhà văn hoá bán Tổng Cầu, xã Mường thái	Xã Mường Thái	2024-2025	2973 QĐ-UBND 22/8/2024	1.600	593	593	393	593	
II	Giao thông				630		388		388	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				630		388		388	
1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Giao thông trục chính bản Ngá Ba xã Mường Cơi	Xã Mường Cơi	2025	264 NQ-HĐND 13/11/2024	630		388		388	
B	NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP				427.218	95.881	91.690	66.990	91.690	
I	Quốc phòng				2.400	1.184	1.066		1.066	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				2.400	1.184	1.066		1.066	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
1	Trụ sở Ban CHQS xã Mường Do	Xã Mường Do	2024-2025	2971 22/8/2024	1.200	584	552		552	
2	Trụ sở Ban CHQS xã Gia Phù	Xã Gia Phù	2024-2025	2972 22/8/2024	1.200	600	515		515	
II	An ninh trật tự, an toàn xã hội				3.100	1.000	845		845	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				3.100	1.000	845		845	
1	Trụ sở làm việc công an xã Nam Phong	Xã Nam Phong	2024-2025	2405 09/12/2023	3.100	1.000	845		845	
III	Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp				32.010	22.345	21.359	15.851	21.359	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				3.200	155	155	155	155	
1	Nhà lớp học trường Mầm non Huy Hạ, xã Huy Hạ	Xã Huy Hạ	26/3/2020 11/9/2020	2421 14/10/2019	3.200	155	155	155	155	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				28.810	22.190	21.205	15.696	21.205	
1	Trường Mầm non thị trấn Phù Yên	Thị Trấn	2022-2024	2227 24/11/2023	9.540	6.390	5.896	4.384	5.896	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
2	Trường Trung học cơ sở Quang Huy	Xã Quang Huy	2022-2024	2281 15/12/2022	5.300	5.300	4.808	4.808	4.808	
3	Trường tiểu học thị trấn Phù Yên	Thị Trấn	2022-2024	2279 15/12/2022	7.500	4.500	4.500	4.263	4.500	
4	Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Đá Đỏ	Xã Đá Đỏ	2023-2025	2409 09/12/2023	5.000	5.000	5.000	1.240	5.000	
5	Sửa chữa, nâng cấp nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Tân Lang	Xã Tân Lang	2023	2276 15/12/2022	1.470	1.000	1.000	1.000	1.000	
IV	Y tế, dân số và gia đình				6.000	2.000	2.000		2.000	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				6.000	2.000	2.000		2.000	
1	Trạm y tế xã Gia Phù	Xã Gia Phù	2023-2024	1657 12/7/2021	6.000	2.000	2.000		2.000	
V	Văn hóa thông tin				2.000	1.000	150	150	150	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				2.000	1.000	150	150	150	
1	Nhà văn hóa tiểu khu 2, thị trấn Phù Yên	Thị trấn	2024-2025	07 05/01/2024	2.000	1.000	150	150	150	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
VI	Giao thông				209.442	45.160	42.828	27.548	42.828	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				93.973	13.692	13.692	13.692	13.692	
1	Đường giao thông từ Suối Tre (xã Tường Phong) đến trung tâm xã Nam Phong, huyện Phù Yên (giai đoạn 2)	Tường Phong - nam Phong	6/6/2019 24/11/2020	1869 31/7/2020	56.827	10.150	10.150	10.150	10.150	
2	Nâng cấp đường GTNT liên xã Quang Huy - ngã ba Kim Thượng, xã Huy Tân	Quang Huy, Huy Tân	10/3/2020 28/7/2020	877 28/4/2020	3.462	231	231	231	231	
3	Đường giao thông từ Đổng Đa đến công viên 18/10 (đoạn từ đường tranh đấu nổi Quốc lộ 37 đi công viên 2/9 mở rộng, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên)	TT Phù Yên	2020-2021	1243 18/6/2020	18.956	2.000	2.000	2.000	2.000	
4	Đường nội thị khu đô thị Đổng Đa, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên	TT Phù Yên	2020-2021	1244 18/6/2020	14.729	1.311	1.311	1.311	1.311	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				115.469	31.468	29.136	13.856	29.136	
1	Đường nội thị từ Tiểu khu 6 (nhà ông Hợi Đợt) đi trường THCS thị trấn tiểu khu 3 (nhà ông Òi), thị trấn Phù Yên.	Thị Trấn	2022-2024	880- 7/7/2022	2.850	2.850	2.724	2.724	2.724	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
2	Nâng cấp tuyến đường Đinh Văn Văn Tỷ đoạn từ QL 37 đến Bản Mo 1	Thị trấn	2023-2025	2413 09/12/2023	4.960	1.768	1.699	1.699	1.699	
3	Nâng cấp tuyến đường Tô Vĩnh Diện đoạn từ QL37 đến Chợ Huy Bắc.	Thị trấn	2023-2024	1043- 13/7/2023	3.000	2.264	2.264	2.264	2.264	
4	Nâng cấp tuyến đường Hoa Ban đoạn từ QL37 - trường Mầm non Thị trấn - Trường Tiểu học Thị trấn.	Thị trấn	2024-2025	2412 09/12/2023	3.100	1.000	982	982	982	
5	Nâng cấp tuyến đường Đặng Thuỳ Trâm đoạn từ QL37 (ngã tư Hai Soái) đến ngã ba Bệnh Viện.	Thị trấn	2023-2024	1020- 11/7/2023	3.200	2.348	2.348	2.348	2.348	
6	Nâng cấp tuyến đường từ Nhà văn hoá tiểu khu 5 lên Khối 8 cũ.	Thị trấn	2024-2025	2431 13/12/2023	3.700	1.200	1.143	1.143	1.143	
7	Nâng cấp tuyến đường từ Ngã tư trường Mầm non Thị trấn - Công chào điểm văn hoá tiểu khu 4 (cụm dân cư số 1).	Thị trấn	2023-2025	2431 09/12/2023	2.600	850	839	839	839	
8	Nâng cấp tuyến đường Võ Thị Sáu đoạn từ sau Ngân hàng Nông nghiệp đến nhà ông Nghiệp Nhân.	Thị trấn	2024	2286 06/12/2023	600	480	443	443	443	
9	Nâng cấp tuyến đường Lý Tự Trọng đoạn từ QL 37 đến Trạm Khí tượng.	Thị trấn	2024-2025	2432 09/12/2023	2.050	690	690	690	690	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
10	Đường nội thị thị trấn Phù Yên đoạn từ Quốc lộ 37 (Nhà may Hoa Thuận) đi bản Mo 2, xã Quang Huy, huyện Phù Yên	Thị trấn	2024-2025	2404 22/7/2024	2.500	2.500	510		510	
11	Cầu Suối Lèo, xã Tân Lang	Tân Lang	2024		900	900	883	724	883	
12	Nâng cấp tuyến đường Mường Tấc đến ngã tư trụ sở UBND xã Quang Huy cũ, thị trấn Quang Huy	Thị trấn	2025	629- 28/3/2025	3.000	400	393		393	
13	Cứng hoá đường liên xã Đá Đỏ - Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Đá Đỏ -Kim Bon	2023-2025	217 02/2/2024	54.700	12.397	12.397		12.397	
14	Cứng hóa đường từ bản Suối Gà - Chè Mè đến trung tâm xã Mường Bang, huyện Phù Yên	Mường Bang	2023-2025	2414 17/11/2023	21.500	138	138		138	
15	Cứng hóa đường giao thông từ bản Tổng Cầu (bản Suối Tàu cũ) đến trung tâm xã Mường Thái, huyện Phù Yên	Xã Mường Thái		661 25/3/2025	6.809	1.682	1.682		1.682	
VII	Nông lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản				43.883	2.643	2.901	2.901	2.901	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				14.600	1.293	1.293	1.293	1.293	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
1	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, lũ ống, lũ quét bản Suối Kê, xã Nam Phong, huyện Phù Yên	xã Nam Phong	2019-2021	784 03/4/2019	14.600	1.293	1.293	1.293	1.293	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				29.284	1.350	1.608	1.608	1.608	
1	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai suối Tre, bản Bèo, xã Tường Phong	Tường Phong	2021-2023	1073 31/5/2021	20.000	1.200	1.200	1.200	1.200	
2	Dự án ĐCĐC bản Khoai Lang, xã Mường Thái	Mường Thái	2022-2023	1349 15/8/2022; 2974 22/8/2024	9.284	150	408	408	408	
VIII	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị				30.965	6.959	6.959	6.959	6.959	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				30.965	6.959	6.959	6.959	6.959	
6	San lấp mặt bằng khu đô thị Đồng Đa, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên	TT Phù Yên	2020-2021	1210 16/6/2020	13.000	1.500	1.500	1.500	1.500	
7	Hệ thống điện khu đô thị Đồng Đa, thị trấn Phù yên, huyện Phù Yên	TT Phù Yên	2.021	3463 30/12/2020	4.465	1.359	1.359	1.359	1.359	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
8	Kẻ gia cố suối và kẻ gia cố ruộng lúa khu đô thị Đồng Đa, thị trấn Phù yên, huyện Phù Yên	TT Phù Yên	2020-2021	1853 28/7/2020	5.000	900	900	900	900	
9	Cải tạo, nâng cấp khu công viên 2/9.	Thị trấn	2.024	163 05/02/2024	8.500	3.200	3.200	3.200	3.200	
IX	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước				97.418	13.591	13.582	13.582	13.582	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				95.118	12.884	12.884	12.884	12.884	
1	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND-UBND xã Huy Tường, huyện Phù Yên	Huy Tường	08/11/2017 22/4/2019	4347 31/10/2016	8.168	220	220	220	220	
2	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND-UBND xã Nam Phong, huyện Phù Yên	Nam Phong	21/12/2018 31/7/2020	3256 02/11/2018	9.000	617	617	617	617	
3	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND-UBND xã Sập Xa, huyện Phù Yên	Sập Xa	01/11/2018 17/12/2019; BG: 27/3/2020	2233 20/9/2018	9.000	445	445	445	445	
4	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND-UBND xã Mường Bang, huyện Phù Yên	Mường Bang	10/12/2018 16/12/2020	3225 02/11/2018	9.000	641	641	641	641	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
5	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND-UBND xã Tường Phong, huyện Phù Yên	Tường Phong	08/7/2019 30/10/2020; BG: 8/1/2021	3242 31/10/2018	9.000	2.359	2.359	2.359	2.359	
6	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND-UBND xã Huy Bắc huyện Phù Yên	Huy Bắc	03/04/2019 18/3/2020	1893 21/8/2019	10.949	1.602	1.602	1.602	1.602	
1	Trụ sở làm việc Huyện ủy Phù Yên	TT Phù Yên	2019-2021	3149 01/12/2020	40.000	7.000	7.000	7.000	7.000	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				2.300	707	698	698	698	
1	Nâng cấp, sửa chữa nhà công vụ cho cán bộ, công chức xã Suối Bau	Suối Bau	2023	2285 15/12/2022	300	300	291	291	291	
2	Các hạng mục phụ trợ Trụ sở huyện ủy Phù Yên	Thị trấn	2021-2022	653 29/4/2022	2.000	407	407	407	407	
C	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC PHÂN CẤP				559.645	204.667	207.523	178.645	207.523	
I	Quốc phòng				2.400	1.216	1.216	1.216	1.216	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				2.400	1.216	1.216	1.216	1.216	
1	Trụ sở Ban CHQS xã Mường Do	Xã Mường Do	2024-2025	2971 22/8/2024	1.200	616	616	616	616	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
2	Trụ sở Ban CHQS xã Gia Phù	Xã Gia Phù	2024-2025	2972 22/8/2024	1.200	600	600	600	600	
II	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				83.048	14.098	13.180	13.180	13.180	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				34.393	4.428	4.428	4.428	4.428	
1	Nhà lớp học 2P, trường tiểu học xã Mường Bang, huyện Phù Yên	Xã Mường Bang	28/04/2018- 20/07/2018	394 22/03/2018	1.133	84	84	84	84	
2	Trường mầm non Ban Mai Suối Sọ	Xã Suối Tọ	2019	4635 16/11/2016	1.632	49	49	49	49	
3	Trường mầm non Tường Hạ	Xã Tường Hạ	2019	327 07/3/2019	3.577	35	35	35	35	
4	Hạng mục phụ trợ trường mầm non Huy Bắc và đường dân sinh bản Nà Phái 1, xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	25/2/2020 - 22/5/2020	2461 18/1/2019	1.500	1.170	1.170	1.170	1.170	
5	Hệ thống thoát nước và xử lý sạt lở khu vực trường học và trụ sở xã Bắc Phong	Xã Bắc Phong	25/2/2020 - 3/7/2020	2462 18/10/2019	1.338	556	556	556	556	
6	Khắc phục thiên tai tại trường PTDT nội trú THCS-THPT huyện Phù Yên	Xã Huy Thượng	22/4/2020 - 22/7/2020	1580 07/7/2020	3.986	1.410	1.410	1.410	1.410	
7	Nhà lớp học cấp tiểu học, trường TH-THCS Tân Lang	Xã Tân Lang	15/7/2020 - 02/01/2021	1206 15/6/2020	3.600	344	344	344	344	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
8	Nhà lớp học cấp THCS, trường TH-THCS Tân Lang	Xã Tân Lang	15/7/2020 - 4/01/2021	1207 15/6/2020	3.599	410	410	410	410	
9	Trường mầm non Tường Phù	Xã Tường Phù	15/7/2020 - 29/12/2020	1205 15/6/2020	5.000	126	126	126	126	
10	Nhà lớp học trường Mầm non Huy Hạ, xã Huy Hạ	Xã Huy Hạ	26/3/2020- 11/9/2020	2421 14/10/2019	3.200	180	180	180	180	
11	Nhà học Mầm non khu Cửa Lao, bản Lao, xã Mường Bang	Xã Mường Bang	11/9/2020- 20/12/2020	2529 23/10/2019	980	7	7	7	7	
12	Cải tạo, nâng cấp trường TH và THCS bản Vạn xã Tân Phong	Xã Tân Phong	27/3/2020- 10/12/2020	2568 25/10/2019	4.850	57	57	57	57	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				48.655	9.670	8.752	8.752	8.752	
1	Trường THPT Tân Lang, huyện Phù Yên (Bổ sung cơ sở vật chất trường PTTH Tân Lang)	Xx Tân Lang	2021-2023	1049 30/5/2021	29.095	2.000	1.334	1.334	1.334	
2	Trường Mầm Non thị trấn Phù Yên	Thị Trấn	2022-2024	2227 24/11/2023	9.540	3.150	3.150	3.150	3.150	
3	Trường tiểu học thị trấn Phù Yên	Thị Trấn	2022-2024	2279 15/12/2022	7.500	3.000	3.000	3.000	3.000	
4	Dự án San lấp mặt bằng mở rộng sân vận động trung tâm xã Huy Bắc	Xã Huy Bắc	2023	2274 15/12/2022	350	350	347	347	347	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
5	Dự án Các hạng mục phụ trợ trường Mầm Non Huy Bắc	Xã Huy Bắc	2023	2275 15/12/2022	700	700	566	566	566	
6	Sửa chữa, nâng cấp nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Tân Lang	Xã Tân Lang		2276 15/12/2022	1.470	470	354	354	354	
III	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH				6.000	2.000	2.000		2.000	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				6.000	2.000	2.000		2.000	
1	Trạm y tế xã Mường Cơi	Mường Cơi	2024-2025	1652 12/7/2021	6.000	2.000	2.000		2.000	
IV	Văn hóa thông tin				22.411	15.893	15.893	15.834	15.893	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				7.815	1.702	1.702	1.643	1.702	
1	Nhà văn hóa bản Nà Phai xã Huy Bắc, huyện Phù Yên	Huy Bắc	10/7/2020- 15/11/2020	937 16/10/2020	611	88	88	88	88	
2	Nhà văn hóa bản Chiềng Trung, xã Quang Huy	Quang Huy	18/12/2019- 16/4/2020; BG 21/4/2020	2489 21/10/2019	825	123	123	123	123	
3	Nhà văn hóa xã Quang Huy	Quang Huy	31/12/2019- 13/7/2020	2490 21/10/2019	1.443	377	377	377	377	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
4	Nhà văn hóa xã Huy Bắc	Huy Bắc	31/12/2019-14/6/2020	2494 21/10/2019	1.449	149		149	149	149	
5	Nhà văn hóa xã Tân Lang	Tân Lang	21/7/2020-15/11/2020	1241 18/6/2020	1.486	115		115	115	115	
6	Nhà văn hóa tiểu khu 2, thị trấn Phù Yên	Thị trấn	2024-2025	07 05/01/2024	2.000	850		850	791	850	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				14.596	14.191		14.191	14.191	14.191	
1	Kè bảo vệ trung tâm giới thiệu sản phẩm huyện Phù Yên (Kè chống sạt trung tâm giới thiệu sản phẩm)	Gia Phù	2021	1599 28/6/2021	4.898	4.731		4.731	4.731	4.731	
2	Trung tâm giới thiệu sản phẩm huyện Phù Yên	Gia Phù	2021	1925 22/7/2021	4.799	4.733		4.733	4.733	4.733	
3	Kè Chống sạt lở và bãi đỗ xe trung tâm giới thiệu sản phẩm huyện Phù Yên	Gia Phù	2021	1113 26/4/2021	4.900	4.726		4.726	4.726	4.726	
V	Giao thông				225.528	95.107		100.756	73.936	100.756	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				100.209	54.100		54.100	54.100	54.100	
1	Sửa chữa đường giao thông TTX đi bản Suối Chiếu, xã Mường Thái (Khắc phục thiên tai 2017)	Mường Thái	04/12/2018-26/6/2019	1023 07/6/2019	1.700	444		444	444	444	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
2	Sửa chữa đường giao thông TTX đi hồ Suối Hòm xã Huy Tường (Khắc phục thiên tai 2017)	Huy Tường	04/12/2018-26/6/2019	990 29/5/2019	2.999	713	713	713	713	713	
3	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường bản Vàng A, bản Bải Sại, bản Cửa Sập, xã Đá Đỏ	Đá Đỏ	30/3/2020-8/12/2020	2547 24/10/2019	5.000	110	110	110	110	110	
4	Đường giao thông từ Suối Tre (xã Tường Phong) đến trung tâm xã Nam Phong, huyện Phù Yên (Giai đoạn 2)	Tường Phong - nam Phong	6/6/2019-24/11/2020	1869 31/7/2020	56.827	24.323	24.323	24.323	24.323	24.323	
5	Đường giao thông từ Đổng Đa đến công viên 18/10 (đoạn từ đường tranh đấu nổi Quốc lộ 37 đi công viên 2/9 mở rộng, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên)	TT Phù Yên	2020-2021	1243 18/6/2020	18.956	16.169	16.169	16.169	16.169	16.169	
6	Đường nội thị khu đô thị Đổng Đa, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên	TT Phù Yên	2020-2021	1244 18/6/2020	14.729	12.341	12.341	12.341	12.341	12.341	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				125.319	41.007	41.007	46.656	19.836	46.656	
1	Cầu qua Suối Ngọt đoạn từ tiểu khu 6 sang tiểu khu 5 và kẻ Suối Ngọt (từ nhà ông Long Nguồn đến trường Võ Thị Sáu)	Thị Trấn	2024-2025	2414 09/12/2023	2.400	2.400	2.400	2.205	2.205	2.205	TH theo QĐ số: 2024, 985
2	Nâng cấp tuyến đường Đình Văn Tỷ đoạn từ QL 37 đến Bản Mò 1	Thị trấn	2023-2025	2413 09/12/2023	4.960	2.100	2.100	2.099	2.099	2.099	
3	Nâng cấp tuyến đường Hoa Ban đoạn từ QL37 - Trường Mầm non Thị trấn - trường Tiểu học Thị trấn.	Thị trấn	2024-2025	2412 09/12/2023	3.100	1.480	1.480	1.315	1.315	1.315	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
4	Nâng cấp tuyến đường từ Nhà văn hoá tiểu khu 5 lên Khối 8 cũ.	Thị trấn	2024-2025	2431 13/12/2023	3.700	1.760	1.583	1.583	1.583	
5	Nâng cấp tuyến đường từ Ngã tư trường Mầm non Thị trấn - Công chào điểm văn hoá tiểu khu 4 (cụm dân cư số 1).	Thị trấn	2023-2025	2431 09/12/2023	2.600	1.230	1.164	1.164	1.164	
6	Nâng cấp tuyến đường Lý Tự Trọng đoạn từ QL 37 đến Trạm Khí tượng.	Thị trấn	2024-2025	2432 09/12/2023	2.050	950	867	867	867	
7	Đường nội thị thị trấn Phù Yên đoạn từ Quốc lộ 37 (Nhà may Hòa Thuận) đi bản Mo 2, xã Quang Huy, huyện Phù Yên	Thị trấn	2024-2025	2404 22/7/2024	2.500	1.200	1.200	1.200	1.200	
8	Cứng hoá đường liên xã Đá Đỏ - Kim Bon, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Đá Đỏ -Kim Bon	2023-2025	217 02/2/2024	54.700	16.015	15.482		15.482	TH theo QĐ số: 2024,985
9	Cứng hóa đường liên xã từ bản Giáp Đất đến trung tâm xã Mường Thái	Mường Thái	2023-2025	217 02/2/2024	21.000	5.240	11.240	8.998	11.240	
10	Cứng hóa đường từ bản Suối Gà - Chè Mè đến trung tâm xã Mường Bang, huyện Phù Yên	Mường Bang	2023-2025	2414 17/11/2023	21.500	5.147	7.698	406	7.698	
11	Cứng hóa đường giao thông từ bản Tòng Cầu (bản Suối Tàu cũ) đến trung tâm xã Mường Thái, huyện Phù Yên	Xã Mường Thái	2024-2026	661 25/3/2025	6.809	3.485	1.803	0	1.803	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
VI	Nông nghiệp, lâm nghiệp thủy lợi thủy sản				62.241	12.066	11.507	11.507	11.507	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				42.241	5.266	5.266	5.266	5.266	
1	Kinh phí tái định cư di chuyển các hộ dân để mở rộng quy mô trường tiểu học Huy Bắc	Huy Bắc	27/11/2019-20/12/2019	2450-16/10/2019	627	247	247	247	247	
2	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, lũ ống, lũ quét bản Khoai Lang, xã Mường Thai, huyện Phù Yên	Xã Mường Thai	2019-2020	3178-18/12/2019	14.970	1.662	1.662	1.662	1.662	
3	Sửa chữa, nâng cấp nước sinh hoạt bản Lăn, bản Kiếng, bản Ngã Ba, xã Mường Do	Mường Do	07/4/2020-28/8/2020	2618-29/10/2019	3.644	157	157	157	157	
4	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở đất, lũ ống, lũ quét bản Suối Kê, xã Nam Phong, huyện Phù Yên	xã Nam Phong	2019-2021	784-03/4/2019	14.600	1.374	1.374	1.374	1.374	
5	Dự án ĐCĐC bản Suối Thịnh, xã Suối Bau	Suối Bau	2022-2023	1348 15/8/2022; 2975 22/8/2024	8.400	1.827	1.827	1.827	1.827	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				20.000	6.800	6.241	6.241	6.241	
1	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai suối Tre, bản Bèo, xã Tường Phong	Tường Phong	2021-2023	1073 ngày 31/5/2021	20.000	6.800	6.241	6.241	6.241	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
VII	Công nghiệp, điện				48.796	4.389	4.389	4.389	4.389	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				48.796	4.389	4.389	4.389	4.389	
1	Cấp điện nông thôn giai đoạn 2023 – 2025 trên địa bàn huyện Phù Yên	Các xã	2024-2025	516 07/8/2024 2631 29/12/2023	37.357	1.657	1.657	1.657	1.657	
2	Hệ thống điện đô thị 2/9 mở rộng, thị trấn Phù Yên	Huy Bắc	08/12/2018- 2/05/2019	1890 27/08/2018	6.974	90	90	90	90	
3	Hệ thống điện khu đô thị Đống Đa, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên	TT Phù Yên	2.021	3463 30/12/2020	4.465	2.642	2.642	2.642	2.642	
IIX	Cấp nước, thoát nước				1.000	235	235	235	235	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				1.000	235	235	235	235	
1	Hệ thống nước sinh hoạt khu đô thị Đống Đa, thị trấn Phù Yên	TT Phù Yên	2020-2021	2712 16/10/2017	1.000	235	235	235	235	
IX	Hoạt động cơ quan quản lý nhà nước				65.314	30.901	29.882	29.882	29.882	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				49.409	16.404	16.404	16.404	16.404	
1	Nhà làm việc + Công vụ ban công an xã Kim Bon	Kim Bon	25/12/2019- 19/5/2020	3035 23/10/2018	498	191	191	191	191	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
2	Nhà làm việc + Công vụ ban công an xã Suối Bau	Suối Bau	14/12/2019-05/03/2020	3036 23/10/2018	500	189		189	189	189	
3	Nhà làm việc + Công vụ ban công an xã Huy Hạ	Huy Hạ	14/12/2019-05/03/2020	3037 23/10/2018	490	158		158	158	158	
4	Nhà làm việc + Công vụ ban công an xã Suối Tọ	Suối Tọ	14/12/2019-20/3/2020	3038 24/10/2018	500	166		166	166	166	
5	Nhà làm việc + Công vụ Ban công an xã Mường Cơi	Mường Cơi	25/12/2019-22/3/2020	3039 24/10/2018	496	152		152	152	152	
6	Cải tạo khuôn viên trụ sở xã Tường Phù	Tường Phù	10/7/2020 04/10/2020	1209 15/6/2020	500	380		380	380	380	
7	Trụ sở làm việc Đảng Ủy, HĐND-UBND xã Tân Phong, huyện Phù Yên (sửa chữa phòng khám đa khoa khu vực Tân Phong)	Tân Phong	27/6/2019 25/11/2020	3023 23/10/2018	1.897	369		369	369	369	
8	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên UBND xã Mường Cơi, huyện Phù Yên	Xã Mường Cơi	31/12/2019-10/10/2020	3250 31/10/2018	1.791	802		802	802	802	
9	Cải tạo, sửa chữa hội trường trung tâm huyện Phù Yên	TT Phù Yên	17/5/2020-16/12/2020	3049 19/11/2020	2.241	738		738	738	738	
10	Cải tạo khuôn viên trụ sở xã Tân Lang	Xã Tân Lang	10/7/2020-06/10/2020	1239 18/6/2020	497	389		389	389	389	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
11	Trụ sở làm việc Huyện ủy Phù Yên	TT Phù Yên	2019-2021	3149 01/12/2020	40.000	12.870		12.870	12.870	12.870	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				15.904	14.497		13.478	13.478	13.478	
1	Trụ sở làm việc công an xã Bắc Phong	Xã Bắc Phong	2022-2024	2402 QĐ-UBND 09/12/2023	3.100	3.100		2.733	2.733	2.733	TH theo QĐ số 2024,985
2	Trụ sở làm việc công an xã Mường Thái	Xã Mường Thái	2021-2023	3447 QĐ-UBND 02/12/2021	2.000	2.000		1.886	1.886	1.886	
3	Trụ sở làm việc công an xã Gia Phù	Gia Phù	2021-2023	3448 QĐ-UBND 02/12/2021	2.000	2.000		1.892	1.892	1.892	
4	Trụ sở làm việc công an xã Nam Phong	Xã Nam Phong	2024-2025	2405 QĐ-UBND 09/12/2023	3.100	2.100		2.100	2.100	2.100	
5	Trụ sở làm việc công an xã Tân Phong	Tân Phong	2021-2023	3449 QĐ-UBND 02/12/2021	2.050	2.050		1.977	1.977	1.977	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
6	Các hạng mục phụ trợ Trụ sở ĐU-HDND-UBND xã Nam Phong	Nam phong	2025	2403 QĐ-UBND 09/12/2023	1.000	1.000	852	852	852	
7	Các hạng mục phụ trợ Trụ sở huyện ủy Phù Yên	Thị trấn	2021-2022	653 29/4/2022	2.000	1.593	1.439	1.439	1.439	
8	Dự án Sửa chữa và bổ sung cơ sở vật chất trụ sở UBND huyện Phù Yên	Thị trấn	2022	654 29/4/2022	654	654	600	600	600	
X	Xã hội			-	1.720	1.720	1.720	1.720	1.720	-
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				1.720	1.720	1.720	1.720	1.720	
1	Hỗ trợ nhà ở NCC	ubnd các xã	2021		1.020	1.020	1.020	1.020	1.020	
2	Hỗ trợ xi măng theo NQ 77	ubnd các xã	2021		700	700	700	700	700	
XI	Lĩnh vực khác				41.187	27.042	26.747	26.747	26.747	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				41.187	27.042	26.747	26.747	26.747	
1	Chi phí bồi thường, GPMB khu đô thị Đồng Đa, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên	Huy Bắc	2.020	1183 04/6/2020	6.688	60	60	60	60	
2	San lấp mặt bằng khu đô thị Đồng Đa, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên	TT Phù Yên	2020-2021	1210 16/6/2020	13.000	10.428	10.428	10.428	10.428	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
3	Kè gia cố suối và kè gia cố ruộng lúa khu đô thị Đồng Đa, thị trấn Phù yên, huyện Phù Yên	TT Phù Yên	2020-2021	1853 28/7/2020	5.000	3.790	3.790	3.790	3.790	
4	Cải tạo, nâng cấp khu công viên 2/9.	Thị trấn	2.024	163 05/02/2024	8.500	5.265	5.265	5.265	5.265	
5	Sửa chữa nâng cấp chợ trung tâm huyện Phù Yên	Thị trấn	2021	750 26/5/2022	2.000	1.500	1.500	1.500	1.500	
6	Lập quy hoạch SDD đến năm 2030; KH sử dụng đất năm 2022	UBND các xã	2021	889 07/4/2021	4.163	4.163	3.896	3.896	3.896	
7	Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/2000 căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần - kỹ thuật, căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ huyện Phù Yên	Huyện Phù Yên	2021	270 12/01/2021	1.509	1.509	1.508	1.508	1.508	
8	Đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền SDD khu Đồng An, Suối Chuột xã Mường Lang	Mường Lang	2021	869 09/4/2021	327	327	300	300	300	

Biểu số 02.5

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN NGÂN SÁCH HUYỆN QUỲNH NHAI

QUẢN LÝ VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 CỦA CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số 526/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
	TỔNG SỐ				417.275	303.445	142.206	106.886	142.206	
A	NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI				28.151	24.570	18.120	16.160	18.120	
I	Giao thông				20.001	17.250	10.800	9.759	10.800	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				20.001	17.250	10.800	9.759	10.800	
1	Đường GTNT từ bản Phiêng Ban đi bản Lóm Khiêu, xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai	Mường Giàng	2023-2024	2472 30/11/2022	12.000	10.800	9.759	9.759	9.759	
2	Dự án nâng cấp đường vào trung tâm xã Nậm ét	Nậm Ét	2025	605 25/3/2025	2.600	2.000	340		340	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
3	Sửa chữa đường bản Ít, bản Muôn, xã Mường Sại	Mường Sại	2025	602 25/3/2025	3.300	2.720	430		430	
4	Cầu bản Cà Póng, xã Nậm Ét	Nậm Ét	2025	606 25/3/2025	2.101	1.730	271		271	
II	Văn hóa, Thông tin				8.150	7.320	7.320	6.401	7.320	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				8.150	7.320	7.320	6.401	7.320	
1	Nhà văn hóa trung tâm xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai.	Chiềng Bằng	2024-2025	3016 07/12/2023	4.800	4.305	4.305	3.897	4.305	
3	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa trung tâm xã Chiềng Ôn, huyện Quỳnh Nhai.	Chiềng Ôn	2024-2025	3015 07/12/2023	1.700	1.530	1.530	1.259	1.530	
4	Khu thể thao xã Chiềng Bằng, huyện Quỳnh Nhai.	Chiềng Bằng	2024-2025	3014 07/12/2023	1.650	1.485	1.485	1.245	1.485	
B	NGUỒN BỔ SUNG CÁN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP				200.659	154.618	69.030	50.420	69.030	
I	Giao thông				69.626	42.074	27.144	18.304	27.144	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				3.263	3.263	232	232	232	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
1	Đường vào trường mầm non và Trạm y tế xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	2018-2019	1917 29/10/2018	993	993	200	200	200	
2	Nâng cấp đường vào điểm định canh định cư Phiêng Bó	Xã Nậm Ét	2020	1911 21/9/2020	2.270	2.270	32	32	32	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				66.363	38.811	26.912	18.072	26.912	
1	Đường GTNT Phiêng Nèn, Hạng mục: 03 nhánh khu TĐC Phiêng Nèn	Xã Mường Giàng	2021-2023	163 21/1/2021	5.500	5.500	5.075	5.075	5.075	
2	Công trình Nâng cấp đường giao thông Huổi Vắn - Kéo Ca (giai đoạn 2)	Xã Mường Giôn	2021-2023	162 21/1/2021	9.600	9.600	9.210	9.210	9.210	
3	Đường GTNT từ bản Có Luông đi bản Co Que, xã Chiềng Khay, huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Khay	2022-2024	3433 27/12/2021	2.500	2.500	2.407	2.407	2.407	
4	Nâng cấp đường giao thông từ trung tâm xã đến điểm ĐCĐC Phiêng Bó, huyện Quỳnh Nhai	Xã Nậm Ét	2023-2025	2182 28/10/2022	4.500	4.500	1.379	1.379	1.379	
5	Đầu tư củng hóa đường từ trung tâm xã Nậm Ét đến trung tâm xã Mường Sại	Xã Nậm Ét, Mường Sại	2024-2025	325 NQ-HĐND ngày 16/5/2024	19.000	7.000	300		300	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
6	Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã Chiềng Khay (Đoạn từ bản Có Nọi đến bản Khâu Pùm)	Xã Chiềng Khay	2024-2025	1374 15/7/2024	4.667	2.251	1.780		1.780		
7	Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã Cà Nàng (đoạn từ bản Ít Pháy đến bản Huổi Suông)	Xã Cà Nàng	2024-2025	1410 18/7/2024	12.696	5.000	4.300		4.300		
8	Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã Chiềng Khay (Đoạn từ bản Nong Trang đến Nậm Ngùa)	Xã Chiềng Khay	2024-2025	1372 15/7/2024	7.900	2.460	2.460		2.460		
II	NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN				24.397	10.579	5.907	2.090	5.907		
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				1.400	1.400	66	66	66		
1	Thủy lợi bản Phát Phương, xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	2018-2019	1921 29/10/2018	1.400	1.400	66	66	66		
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				22.997	9.179	5.841	2.024	5.841		
1	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai tại bản Phát, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Cà Nàng	2021-2023	2003 27/9/2022; 1070 31/5/2021	22.997	9.179	5.841	2.024	5.841		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
III	Cấp nước, thoát nước				21.783	21.783	18.635	14.093	18.635	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				2.364	2.364	138	138	138	
1	Nước sinh hoạt bản Nậm Uôn xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	2019-2020	1526 24/7/2020	2.364	2.364	138	138	138	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				19.419	19.419	18.497	13.955	18.497	
1	Nâng cấp, sửa chữa công trình Nước sinh hoạt bản Xe, Huổi Nả xã Chiềng Ôn	Xã Chiềng Ôn	2021-2023	601 30/3/2021	5.143	5.143	4.828	4.828	4.828	
2	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Tầu, xã Pá Ma Pha Khinh, huyện Quỳnh Nhai	Xã Pá Ma Pha Khinh	2022-2024	3436 27/12/2021	2.300	2.300	2.158	2.158	2.158	
3	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt Huổi Nghiêu (Pá Uôn) xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	2023-2025	2178 28/10/2022	1.560	1.560	1.560	600	1.560	
4	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt bản Lóm Lầu, xã Chiềng Ôn, huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Ôn	2023-2025	2179 28/10/2022	1.708	1.708	1.595	863	1.595	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hằng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
5	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt bản Ta Bó điểm TĐC Phiêng Mọt xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giôn	2023-2025	2180 28/10/2022	2.600	2.600	2.528	900	2.528	2.528	
6	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt bản Pá Bó Phiêng Mọt xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giôn	2023-2025	2181 28/10/2022	2.148	2.148	2.023	800	2.023	2.023	
7	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt bản Khóp xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giôn	2022-2024	3437 27/12/2021	2.310	2.310	2.207	2.207	2.207	2.207	
8	Nâng cấp, sửa chữa Nước sinh hoạt bản Cút xã Mường Giôn, huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giôn	2022-2024	3438 27/12/2021	1.650	1.650	1.598	1.598	1.598	1.598	
IV	Giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp				43.794	43.794	8.712	8.712	8.712	8.712	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				36.194	36.194	1.506	1.506	1.506	1.506	
1	Trường mầm non Pá Ma Pha Khinh (Ban Mai)	Xã Pá Ma Pha Khinh	2016-2017	630 30/3/2016	9.250	9.250	139	139	139	139	
2	Trường mầm non Mường Giàng, xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	2019-2020	2158 30/10/2017	4.793	4.793	205	205	205	205	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
3	Trường mầm non Hoa Hồng, xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	2019-2020	2159 30/10/2017	3.731	3.731	140	140	140		
4	Trường mầm non Mường Giôn, xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	2019-2020	2160 30/10/2017	5.432	5.432	202	202	202		
5	Trường mầm non Cà Nàng, xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	2019-2020	2161 30/10/2017	3.035	3.035	86	86	86		
6	Trường mầm non Nậm Ết, xã Nậm Ết	Xã Nậm Ết	2019-2020	2162 30/10/2017	6.745	6.745	279	279	279		
7	Trường mầm non Mường Giôn.Nhà hiệu bộ+ Nhà chức năng+ Nhà bảo vệ các hạng mục phụ trợ	Xã Mường Giôn	2019-2020	1562 3/8/2020	3.208	3.208	454	454	454		
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				7.600	7.600	7.206	7.206	7.206		
1	Trường TH và THCS Nậm Ết; Hạng mục: Nhà đa năng, Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Xã Nậm Ết	2021-2023	901 21/5/2021	3.500	3.500	3.374	3.374	3.374		
2	Trường mầm non Mường Giăng; Hạng mục: Nhà hiệu bộ, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	Xã Mường Giăng	2022-2024	3434 27/12/2021	2.300	2.300	2.122	2.122	2.122		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
3	Trường mầm non Sơn Ca xã Mường Giàng; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Xã Mường Giàng	2022-2024	3435 27/12/2021	1.800	1.800	1.710	1.710	1.710	1.710	
V	Văn hóa, thông tin				8.156	3.485	978	978	978	978	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				8.156	3.485	978	978	978	978	
1	Nhà văn hóa bản Bo, xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	2019-2020	1781 15/10/2019	1.320	1.300	586	586	586	586	
2	Nhà văn hóa bản Giang Lò, xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	2019-2020	1935 31/10/2018	1.380	472	143	143	143	143	
3	Nhà văn hóa bản Ít Ta Bót, xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay	2019-2020	1934 31/10/2018	1.380	345	21	21	21	21	
4	Nhà văn hóa bản Huổi Suông, xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	2019-2020	1936 31/10/2018	1.380	472	143	143	143	143	
5	Nhà văn hóa bản Nà Đo, xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	2019-2020	1913 29/10/2018	1.306	448	5	5	5	5	
6	Nhà văn hóa bản Xa, xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	2019-2020	1760 15/10/2019	1.391	448	80	80	80	80	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025			-	-	-	-	-	-	
VI	Y tế, dân số và gia đình			4.500	4.500	4.500	4.393	4.393	4.393	
(1)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025			4.500	4.500	4.500	4.393	4.393	4.393	
1	Khu cách ly Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	2022-2024	3439 27/12/2021	4.500	4.500	4.393	4.393	4.393	
VII	Lĩnh vực khác			28.403	28.403	28.403	1.849	1.849	1.849	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025			28.403	28.403	28.403	1.849	1.849	1.849	
1	San nền và xây dựng cơ sở hạ tầng lô X 4, 5, 7 trung tâm huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	2019-2021	1938 31/10/2019	28.403	28.403	1.849	1.849	1.849	
VIII	Phân bổ chi tiết sau						1.411		1.411	
C	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC PHÂN CẤP			188.464	124.258	124.258	55.056	40.306	55.056	
I	Giao thông			73.675	44.741	44.741	14.170	5.090	14.170	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025			26.460	26.390	26.390	2.190	2.190	2.190	
1	Cầu kết cấu thép trung tâm xã Mường Giòn	Xã Mường Giòn	2019-2020	2517 31/10/2017	3.570	3.500	1.741	1.741	1.741	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Trong đó: Ngân sách huyện	Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
2	Đường TT xã - Bản Săn Nặm Giắt xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	2015-2019	1318 19/6/2014	20.920	20.920	279	279	279	
3	Nâng cấp đường vào Nặm Ết	Xã Nặm Ết	2019-2020	1929 30/10/2018	1.970	1.970	170	170	170	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				47.215	18.351	11.980	2.900	11.980	
1	Nâng cấp đường giao thông từ trung tâm xã đến điểm định canh định cư Phiêng Bó, xã Nặm Ết	Xã Nặm Ết	2023-2025	2182 28/10/2022	4.500	2.900	2.900	2.900	2.900	
2	Đầu tư củng cố đường từ trung tâm xã Nặm Ết đến trung tâm xã Mường Sại	Xã Nặm Ết, Mường Sại	2024-2025	497 04/3/2025	18.632	7.000	6.700		6.700	
3	Đầu tư củng cố đường từ bản Hậu đến trung tâm xã Chiềng Khoang (Đoạn từ bản Hậu đến bản Phiêng Lý)	Xã Chiềng Khoang	2024-2025	758 24/4/2024	6.720	1.200	1.200		1.200	
4	Đầu tư củng cố đường đến trung tâm xã Chiềng Khay (Đoạn từ bản Có Nọi đến bản Khau Pùm)	Xã Chiềng Khay	2024-2025	1374 15/7/2024	4.667	2.251	480		480	
5	Đầu tư củng cố đường đến trung tâm xã Cà Nàng (đoạn từ bản Ít Pháy đến bản Huổi Suồng)	Xã Cà Nàng	2024-2025	1410 18/7/2024	12.696	5.000	700		700	
II	Nông lâm nghiệp thủy lợi thủy sản				31.302	10.428	3.654	2.772	3.654	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				31.302	10.428	3.654	2.772	3.654	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
1	Thủy lợi bản Ta Lăm xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	2022-2024	1715 22/8/2022	2.200	330	330	215	330		
2	Công trình thủy lợi bản Huổi Mẩn (nhóm Pá Mẩn, Huổi Mẩn)	Xã Mường Giôn	2022-2024	1716 22/8/2022	1.980	297	297	165	297		
3	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới thêm thủy lợi bản Xa	Xã Mường Giôn	2022-2024	1717 22/8/2022	1.980	295	295	149	295		
4	Xây dựng Mối Hai kênh Mường Lọng Hu - Na Khá	Xã Pá Ma Pha Khinh	2022-2024	1727 22/8/2022	1.210	183	183	69	183		
5	Nâng cấp sửa chữa Kênh Mường bản Kịch Máng	Xã Pá Ma Pha Khinh	2022-2024	1728 22/8/2022	935	144	144	31	144		
6	Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Phát, xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai	Xã Cà Nàng	2021-2024	707 17/4/2023	22.997	9.179	2.406	2.144	2.406		
III	Cấp nước, thoát nước				11.668	4.803	4.803	3.932	4.803		
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				11.668	4.803	4.803	3.932	4.803		
1	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Cha Có xã Mường Giôn	Xã Mường Giôn	2022-2024	1718 22/8/2022	926	46	46	9	46		
2	Nâng cấp, sửa chữa Nước Sinh Hoạt bản có Nội xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay	2022-2024	1719 22/8/2022	1.964	884	884	686	884		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
3	Nâng cấp Nước Sinh Hoạt bản Cà Nàng xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	2022-2024	1720 22/8/2022	1.650	742	742	689	742	
4	Nâng cấp Nước Sinh bản Hoạt Lò Cù (Điểm Nậm Lò) xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	2022-2024	1721 22/8/2022	1.200	540	540	512	540	
5	Nâng cấp Nước Sinh bản Hoạt Phơ Pha (Điểm Huổi Phơ) xã Cà Nàng	Xã Cà Nàng	2022-2024	1722 22/8/2022	953	365	365	279	365	
6	Nâng cấp, sửa chữa Sinh Hoạt Pha Giáo (Điểm bản Nà Phi) xã Mường Sại	Xã Mường Sại	2022-2024	1723 22/8/2022	1.320	586	586	520	586	
7	Nâng cấp, sửa chữa Nước Sinh Hoạt bản Cà Pổng xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét	2022-2024	1724 22/8/2022	2.600	1.165	1.165	879	1.165	
8	Nâng cấp sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Giảng Ün xã Nậm Ét	Xã Nậm Ét	2022-2024	1725 22/8/2022	1.056	475	475	359	475	
IV	Thương mại				1.012	50	50	50	50	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				1.012	50	50	50	50	
1	Sửa chữa nâng cấp chợ phiên	Xã Mường Chiên	2022-2024	1700 21/8/2022	1.012	50	50	50	50	
V	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				12.423	9.785	3.133	2.898	3.133	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện				
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				8.485	8.485	1.832	1.832	1.832	
1	Trường THCS xã Mường Giôn, HM: Nhà lớp học 2T8P và các hạng mục phụ trợ	Xã Mường Giôn	2019-2020	1928 30/10/2018	5.995	5.995	1.662	1.662	1.662	
2	Trường THCS xã Mường Giôn, HM: Nhà đa năng, sửa chữa nhà lớp học 2T6P và các hạng mục phụ trợ	Xã Mường Giôn	2019-2020	1927 30/10/2018	2.490	2.490	171	171	171	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				3.938	1.301	1.301	1.066	1.301	
1	Nhà lớp học mầm non 1T2P bản Nậm Tấu xã Chiềng Khay	Xã Chiềng Khay	2022-2024	1695 21/8/2022	1.870	841	841	806	841	
2	NLH tiểu học bản Pá Pó	Xã Chiềng Khay	2022-2024	1696 21/8/2022	990	297	297	144	297	
3	Đầu tư một phòng học mới điểm TĐC Lóm Lầu	Xã Chiềng Ôn	2022-2024	1697 21/8/2022	1.078	162	162	115	162	
VI	Vấn thóa, thông tin				5.449	3.616	2.809	2.672	2.809	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				3.799	3.500	2.694	2.598	2.694	2.694	
1	Nhà văn hóa bản Nà Hoi, xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	2019-2020	1926 30/10/2018	1.299	1.000	194	194	194	194	
1	Nhà văn hóa TT xã Mường Giôn + HM phụ trợ	Xã Mường Giôn	2020-2021	1551 30/7/2020	2.500	2.500	2.500	2.404	2.500	2.500	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				1.650	116	116	75	116	116	
1	Sân vận động xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Pá Ma Pha Khinh	2022-2024	1699 21/8/2022	1.650	116	116	75	116	116	
VII	Quốc phòng				9.976	9.976	6.543	5.839	6.543	6.543	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				9.976	9.976	6.543	5.839	6.543	6.543	
1	Trụ sở làm việc Ban công an và Ban CHQS xã Pá Ma Pha Khinh	Xã Pá Ma Pha Khinh	2018-2019	1143 17/7/2019	3.477	3.477	244	244	244	244	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
2	Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/2000 căn cứ hậu phương, căn cứ kỹ thuật, căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	2020-2021	1628 01/10/2019	2.200	2.200	2.000	1.500	2.000	2.000	
3	Trận địa súng máy phòng không 12.7mm huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng	2020-2022	2208 29/8/2021	2.799	2.799	2.799	2.641	2.799	2.799	
4	Xây dựng thao trường bắn, thao trường huấn luyện huyện Quỳnh Nhai	Xã Chiềng Ôn	2020-2022	44 22/11/2021	1.500	1.500	1.500	1.454	1.500	1.500	
VIII	LĨNH VỰC KHÁC				42.959	40.859	19.894	17.052	19.894	19.894	
(1)	Các dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021 - 2025				41.118	39.018	18.053	15.353	18.053	18.053	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng tạo quỹ đất phục vụ bán đấu giá quyền sử dụng đất lô X-08 thuộc quy hoạch TT huyện Quỳnh Nhai	Trung tâm huyện	2018-2020	1981 06/11/2018	4.315	4.315	440	440	440	440	
2	Bãi đỗ xe Linh Sơn Thủy Từ, xã Mường Giàng	Xã Mường Giàng	2018 - 2019	2187 31/10/2017	1.500	500	524	524	524	524	
3	Xây dựng hạ tầng nghĩa trang nhân dân huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng		1937 31/10/2018	4.900	4.000	2.700		2.700	2.700	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 huyện giao		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 điều chỉnh vào kế hoạch đầu tư công cấp tỉnh	Ghi chú
				Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng cộng	Trong đó: Đã giao Kế hoạch hàng năm từ 2021-2024			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách huyện					
4	Xây dựng cơ sở hạ tầng Trường mầm non và chỉnh trang đô thị khu trung tâm xã Chiềng Khoang	Xã Chiềng Khoang	2019-2020	1947 31/10/2018	2.000	1.800	634	634	634	634	
5	San nền và xây dựng cơ sở hạ tầng lô X 4, 5, 7 trung tâm huyện Quỳnh Nhai	Trung tâm huyện	2019-2021	1938 31/10/2019	28.403	28.403	13.756	13.756	13.756	13.756	
(2)	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025				1.841	1.841	1.841	1.841	1.699	1.841	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Quỳnh Nhai		2021-2022	2063 04/8/2021	1.841	1.841	1.841	1.841	1.699	1.841	

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com